

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trình độ: Đại học

Chuyên ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường

Mã ngành: 7850101

Thanh Hóa, tháng 9 năm 2023

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: **Quản lý tài nguyên và môi trường** Trình độ: **Đại học**

*(Ban hành theo Quyết định số 2587/QĐ-ĐHHD, ngày 18 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)*

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH

1. Giới thiệu về chương trình

- Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường được tham khảo từ CTĐT của các trường đại học trong nước như: Trường đại học Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; ĐH Quản lý tài nguyên và Môi trường, ĐH KTTN- Đh Quốc gia Hà Nội; ĐH Quản lý tài nguyên và Môi trường, ĐH Bách Khoa, ĐH Quốc gia TP HCM.

- *Cấu trúc chương trình đào tạo:*

Chương trình đào tạo ĐH Quản lý tài nguyên và môi trường có tổng số 128 tín chỉ (TC) gồm 46 học phần (không kể GDTC và GDQP), trong đó có 36 học phần bắt buộc (100 tín chỉ) và 10 học phần thay thế/tự chọn (28 tín chỉ), được chia thành 2 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương 41 tín chỉ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 87 tín chỉ (trong đó có Kiến thức cơ sở ngành là 11 TC, Kiến thức ngành 59 TC, Kiến thức bổ trợ 6 TC, Thực tập/KLTN/HP thay thế là 11 TC (gồm, 05 tín chỉ thực tập tốt nghiệp; kiến thức Khóa luận/học phần thay thế 06 tín chỉ).

Toàn bộ chương trình đào tạo được phân bổ trong 8 học kỳ (Kỳ 1: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 2: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; Kỳ 3: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 4: gồm 07 học phần, 18 tín chỉ; Kỳ 5: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 6: gồm 05 học phần, 16 tín chỉ; Kỳ 7: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ và Kỳ 8: 3 học phần, 11 tín chỉ, gồm thực tập sư phạm 05 tín chỉ và 02 học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp 06 tín chỉ).

- *Đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất:*

+ **Đội ngũ giảng viên:** số lượng: 16 người, trong đó có 01 PGS; 10 TS; 01 NCS và 04 ThS

+ **Cơ sở vật chất:** Trường có 163 phòng học, 01 hội trường lớn 500 chỗ, 47 phòng thí nghiệm, 01 xưởng thực hành, 01 nhà thư viện và 01 khu liên hợp thể thao phục vụ giảng dạy bộ môn giáo dục thể chất. Trong đó có 125 phòng học từ 40 - 72 người học, 34 phòng học từ 80 - 120 người học và 04 phòng học 253 người học. Phòng học đa năng có thể áp dụng dạy học theo phương pháp tích cực: Có máy chiếu đa năng, loa

đài, tăng âm, máy vi tính nối mạng, cài đặt các phần mềm ứng dụng, có bảng lớn đa năng và các thiết bị dạy học khác; Phòng thực hành, gồm có: mẫu đá phục vụ thực hành địa chất; dụng cụ thực hành đo vẽ bản đồ, thực hành địa chất; la bàn, máy đo trắc địa,... Thư viện điện tử đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo...; Giáo trình và tài liệu tham khảo cho các môn học chính.

2. Thông tin chung về chương trình

| | |
|-----------------------------------|---|
| Tên chương trình (Tiếng Việt): | Quản lý tài nguyên và môi trường |
| Tên chương trình (Tiếng Anh): | Environment and natural resource management |
| Trình độ đào tạo: | Đại học |
| Mã ngành đào tạo: | 7850101 |
| Khoa/Bộ môn quản lý chương trình: | Khoa Khoa học xã hội |
| Đối tượng tuyển sinh | Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT |
| Thời gian đào tạo: | 4 năm |
| Hình thức đào tạo: | Chính quy |
| Số tín chỉ yêu cầu: | 128 |
| Điều kiện tốt nghiệp: | Hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định hiện hành |
| Tên gọi văn bằng tốt nghiệp: | Cử nhân |
| Vị trí làm việc: | <ul style="list-style-type: none"> - Làm công chức, viên chức các đơn vị thuộc nhà nước trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường; - Làm thanh tra viên và đo đạc viên, làm công tác đo đạc và thông tin tài nguyên (đất, rừng, khoáng sản, ...); - Tự phát triển văn phòng; trung tâm tư vấn về đất đai; đào tạo công nghệ GIS và viễn thám, Trắc địa - bản đồ; các dịch vụ tư vấn và quan trắc, phân tích môi trường; - Làm cộng tác viên của các tổ chức phi Chính phủ, dự án nước ngoài...; - Công chức địa chính xã, phường; - Làm cảnh sát môi trường; - Làm giảng viên, có thể giảng dạy Quản lý tài nguyên và môi trường và các ngành khoa học liên quan ở bậc Đại học, Cao đẳng và Phổ thông trung học (sau khi được bồi dưỡng về |

| | |
|-------------------------------------|--|
| | kiến thức nghiệp vụ sư phạm). |
| Khả năng học tập nâng cao trình độ: | Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước |
| Chương trình tham khảo: | - CTĐT ĐH Quản lý Tài nguyên và Môi trường, Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội: - CTĐT ĐH Quản lý tài nguyên và Môi trường, ĐH Bách Khoa, ĐH Quốc gia TP HCM. - CTĐT ĐH Quản lý Tài nguyên và Môi trường, trường ĐH Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội |

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Quản lý tài nguyên và môi trường trình độ đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng có: Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; kiến thức nền tảng về khoa học Xã hội, khoa học Tự nhiên; kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng về lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội cho tỉnh Thanh Hóa, khu vực và đất nước; năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khả năng nghiên cứu, sáng tạo, học lên ở những bậc học cao hơn để phát triển bản thân và nghề nghiệp.

3.2. Mục tiêu cụ thể

3.2.1. Kiến thức

- PO1: Có kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị; hiểu biết đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất;

- PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với ngành được đào tạo; kiến thức khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và công nghệ số;

- PO3: Có kiến thức hệ thống, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.

3.2.2. Kỹ năng

- PO4: Sử dụng thành thạo tiếng Anh, tin học cơ bản; có ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển công nghệ số;

- PO5: Sử dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường;

- PO6: Xử lý được các vấn đề về chuyên môn quản lý tài nguyên và môi trường.

3.2.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PO7: Có thể chủ động làm việc trong các môi trường làm việc thay đổi. Chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Lập kế hoạch, điều phối, hướng dẫn và giám sát và đánh giá hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.1. Kiến thức

- PLO1: Vận dụng được kiến thức về Lý luận chính trị, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kiến thức về Giáo dục quốc phòng - An ninh và giáo dục thể chất vào quá trình học tập và giải quyết các vấn đề thực tiễn;

- PLO2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - môi trường, khoa học xã hội và nhân văn, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghệ số vào giải quyết các vấn đề thực tiễn trong hoạt động của đơn vị, doanh nghiệp, tổ chức hoặc triển khai các dự án khởi nghiệp;

- PLO3: Phân tích được vai trò, đặc điểm của các loại tài nguyên; các vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý các loại tài nguyên (nước, đất, rừng, khoáng sản,..) phục vụ vào hoạt động chuyên môn;

- PLO4: Phân tích được các vấn đề về quản lý môi trường đất, nước, không khí,..bao gồm: Nguyên nhân và thực trạng ô nhiễm môi trường; sự tác động của ô nhiễm môi trường đến sinh vật, sản xuất và đời sống của con người; các giải pháp bảo vệ môi trường.

- PLO5: Vận dụng được kiến thức về các quy chuẩn môi trường; hệ thống luật và văn bản pháp lý về quản lý TN&MT phục vụ vào hoạt động chuyên môn.

4.2. Kỹ năng

- PLO6: Đạt trình độ ngoại ngữ (Tiếng Anh) bậc 3/6 (mức 4,0/10 điểm theo định dạng đề thi được quy định tại Quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) đối với trình độ đại học;

- PLO7: Ứng dụng các công cụ kinh tế- kỹ thuật, công cụ pháp luật, công cụ quy hoạch trong quản lý TNTN và bảo vệ môi trường; sử dụng thành thạo các trang thiết bị, máy móc và công nghệ phục vụ các vấn đề chuyên môn;

- PLO8: Xây dựng được CSDL và thành lập các loại bản đồ quản lý tài nguyên và môi trường bằng các phần mềm tin học chuyên ngành;

- PLO9: Lấy mẫu, phân tích mẫu và đánh giá mức độ ô nhiễm; xác định chi phí bảo vệ môi trường cho doanh nghiệp và toàn xã hội trong hoạt động sản xuất, tính toán được thiệt hại kinh tế trong vấn đề suy thoái tài nguyên và môi trường; phát hiện các sai phạm trong quản lý tài nguyên và môi trường;

- PLO10: Xây dựng được kế hoạch, quy trình, chiến lược phát triển và bảo vệ tài nguyên và môi trường; điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động;

- PLO11: Thực hành quan sát được các loại tài nguyên, môi trường ngoài thực tế; công việc thực tiễn QLTN&MT tại các cơ quan chuyên môn; viết được các báo cáo, thiết lập dự án, đề tài nghiên cứu về lĩnh vực TN&MT.

4.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- PLO12: Khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình

- Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương;

- Về tổ hợp xét tuyển: Dùng 4 tổ hợp: Toán- Lý- Hóa (A00); Văn- Sử- Địa (C00); Văn- Toán- Địa (C04); Văn- Địa- GD công dân (C20);

- Gắn với việc đáp được 02 yêu cầu tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ GD&ĐT về quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học.

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

| Chuẩn đầu ra CTĐT | Mục tiêu của CTĐT | | | | | | |
|-------------------|-------------------|-----|-----|---------|-----|-----|---------------------------|
| | Kiến thức | | | Kỹ năng | | | Mức tự chủ và trách nhiệm |
| | PO1 | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 | PO7 |
| PLO1 | ✓ | | | | | | |
| PLO2 | | ✓ | | | | | |
| PLO3 | | | ✓ | | | | |
| PLO4 | | | ✓ | | | | |
| PLO5 | | | ✓ | | | | |
| PLO6 | | | | ✓ | | | |
| PLO7 | | | | | ✓ | | |
| PLO8 | | | | | ✓ | | |
| PLO9 | | | | | | ✓ | |
| PLO10 | | | | | | ✓ | |
| PLO11 | | | | | | ✓ | |
| PLO12 | | | | | | | ✓ |

7. Phương pháp dạy - học và phương thức kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết theo chuẩn đầu ra học phần. Hàng năm, giảng viên cập nhật lại bài giảng, giáo trình, tìm hiểu và đưa vào những kiến thức và công nghệ mới trong dạy học vào giảng dạy.

- Các phương pháp dạy học sử dụng trong CTĐT:

+ Nhóm PP dạy-học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận, ...);

+ Nhóm PP dạy-học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)

+ Nhóm PP dạy-học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);

+ Nhóm PP dạy-học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);

+ Nhóm PP dạy-học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên. Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu để sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cần cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức kiểm tra đánh giá

- Đánh giá quá trình: Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 30% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ: Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trọng số 20%

trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành, bài tập lớn hoặc các dự án.

- Đánh giá cuối kỳ: Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Đảm bảo chất lượng và khảo thí xếp lịch, trọng số 50% trong đánh giá kết quả học phần của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, trắc nghiệm, thực hành.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

| TT | Khối kiến thức, số TC | Loại HP | Số TC |
|------------------------|--|----------|-------|
| 1 | Kiến thức chung, 41 tín chỉ | Bắt buộc | 39 |
| | | Tự chọn | 02 |
| 2 | Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, 87 tín chỉ | Bắt buộc | 61 |
| | | Tự chọn | 26 |
| 2.1 | Kiến thức cơ sở, 11 tín chỉ | Bắt buộc | 06 |
| | | Tự chọn | 05 |
| 2.2 | Kiến thức ngành, 59 tín chỉ | Bắt buộc | 50 |
| | | Tự chọn | 09 |
| 2.3 | Kiến thức bổ trợ, 06 tín chỉ | Bắt buộc | 0 |
| | | Tự chọn | 06 |
| 2.4 | Kiến thức TTTN/Khóa luận/HP thay thế, 11 tín chỉ | Bắt buộc | 05 |
| | | Tự chọn | 06 |
| Tổng số: 128 TC | | | |

2. Mô tả các học phần

| TT | Mã HP | Tên HP, số TC | Mô tả nội dung học phần | Tài liệu tham khảo |
|----|--------|---|---|---|
| 1 | 196055 | Triết học Mác- Lê nin (3 TC) | <p>- Nội dung học phần: Trình bày nguồn gốc, bản chất, chức năng, quá trình hình thành, phát triển của triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức; nội dung phép biện chứng duy vật biện chứng; lý luận nhận thức duy vật biện chứng; quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội; về nguồn gốc ra đời và bản chất của giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội, con người, vai trò của con người trong lịch sử.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Tái lập có hệ thống lý luận triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội; hệ thống các khái niệm, phạm trù và các quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.</p> <p>+ CLO2: Biết vận dụng kiến thức lý luận triết học vào phân tích, đánh giá và giải quyết đúng đắn các hiện tượng nảy sinh trong đời sống xã hội, trong hoạt động thực tiễn, hoạt động nhận thức của bản thân.</p> <p>+ CLO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường, tư tưởng chính trị vững vàng, tin tưởng vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2019.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2013.</p> <p>2) Bộ Giáo dục & ĐT, <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2007.</p> |
| 2 | 196060 | Kinh tế chính trị Mác- Lê nin (2 TC) | <p>- Nội dung học phần: Trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin; những quan điểm cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, các quan hệ lợi ích kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Bộ GD&ĐT, <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học - không chuyên lý luận chính trị)</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021)</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> |

| | | | | |
|---|--------|-----------------------|--|---|
| | | | <p>nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Khái quát và luận giải được các kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.</p> <p>+ CLO2: Vận dụng các kiến thức của môn học để phân tích được một số vấn đề kinh tế này sinh trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay; tiếp cận các môn chuyên ngành (đặc biệt các khối ngành kinh tế- QTKD), thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p> <p>+ CLO3: Có phẩm chất đạo đức cách mạng và lập trường tư tưởng chính trị vững vàng. Tin tưởng vào chủ trương đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước.</p> | <p>1) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1986, 1991, 1996, 2001, 2006, 2011, 2016.</p> <p>2) Trường ĐH Kinh tế Quốc dân, Bộ môn Kinh tế Chính trị Mác-Lênin, Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế, Nxb Giáo dục, 1999.</p> |
| 3 | 196065 | Chủ nghĩa XHKH (2 TC) | <p>- Nội dung học phần: Trình bày sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và khái quát được sự ra đời, phát triển, đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; về bản chất, đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Bộ giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (dành cho bậc đại học không chuyên Lý luận chính trị), NXB Chính trị Quốc gia Sự Thật, Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục & Đào tạo, <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> (2008), NXB CTQG.</p> |

| | | | | |
|---|--------|--------------------------|--|--|
| | | | <p>Việt Nam; về nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; về cơ cấu xã hội- giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>+ CLO2: Vận dụng lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để xem xét, đối sánh với thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Có kiến thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học để hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>+ CLO3: Chấp hành nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước; có được bản lĩnh chính trị vững vàng; xác lập được niềm tin vào sự thành công của công cuộc chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới.</p> | |
| 4 | 198030 | Lịch sử Đảng CSVN (2 TC) | <p>- Nội dung học phần: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam; Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 – 1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 – 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (Từ năm 1975 đến nay).</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Khái quát được những kiến thức có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay .</p> <p>+ CLO2: Giải thích được bản chất của các sự kiện Lịch sử Đảng, nội dung đường lối, chủ trương của Đảng trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình <i>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, tập 1,2,3, Nxb. Chính trị Quốc gia.</p> <p>2) Văn kiện Đảng toàn tập, từ tập I đến tập XIII, Nxb. Chính trị Quốc gia.</p> |

| | | | | |
|---|--------|---------------------|---|--|
| | | | <p>+ CLO3: Phân tích, suy luận, tìm ra được logic của vấn đề, mối liên hệ giữa hoàn cảnh lịch sử với nội dung đường lối của Đảng và quá trình tổ chức thực hiện đường lối, đánh giá được kết quả, ý nghĩa và hạn chế qua từng giai đoạn lãnh đạo của Đảng từ đó rút ra được nguyên nhân, bài học kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng.</p> <p>+ CLO4: Vận dụng được các nội dung của đường lối lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam vào trong các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội của bản thân.</p> | |
| 5 | 197035 | Tư tưởng HCM | <p>- Nội dung học phần: Nghiên cứu những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng Việt Nam và sự vận động, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Tóm tắt được nội dung kiến thức cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh ; Xác định được bản chất khoa học, cách mạng và tính sáng tạo trong tư tưởng, từ đó vận dụng vào điều kiện cụ thể</p> <p>+ CLO2: Phân tích được những nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về Đảng và Nhà nước, về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức và con người</p> <p>+ CLO3: Có khả năng đưa ra các đánh giá, nhận định của bản thân về một số vấn đề thực tiễn trên cơ sở nội dung kiến thức đã học; Chứng minh được giá trị Tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay</p> <p>+ CLO4: Có kỹ năng phân tích, liên hệ với thực tiễn xây dựng Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay</p> <p>+ CLO5: Bác bỏ, phê phán những quan điểm sai trái, xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh; Có khả năng làm việc độc lập, tự chủ, sáng tạo</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội</p> <p>2) Hội đồng Lý luận Trung ương (2003), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i>, Nhà xuất bản chính trị quốc gia Hà Nội.</p> |
| 6 | 197030 | Pháp luật đại cương | <p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những vấn đề cơ bản về nhà</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> |

| | | | | |
|---|--------|------------------------------------|--|---|
| | | (2 TC) | <p>nước và pháp luật, về kiến thức pháp lý cơ bản một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình và Luật lao động.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học trình bày, phân tích, chứng minh được các vấn đề chung về Nhà nước và pháp luật; xác định được các hành vi vi phạm pháp luật thường xảy ra trên thực tế trong cuộc sống hàng ngày.</p> <p>+CLO2: Người học tiếp cận được quy định của pháp luật do Nhà nước ban hành được áp dụng trong cuộc sống xã hội; Vận dụng được kiến thức của môn học để tiếp cận và bước đầu giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của bản thân, hiểu và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.</p> <p>+ CLO3: Xác lập được phẩm chất đạo đức, ý thức pháp luật, rèn luyện, tôn trọng, sống, học tập, và làm việc theo Hiến pháp và Luật;</p> <p>+ CLO4: Có cái nhìn khách quan về toàn bộ các quy định của pháp luật của Nhà nước CHXHCN Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng đổi mới đất nước hiện nay.</p> | <p>1) Q1: Lê Văn Minh (chủ biên), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động, 2016.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Q1: Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân.</p> <p>2) Q2: Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (2015), <i>Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam</i>, Nxb. Công an nhân dân.</p> |
| 7 | 154888 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo từ đó giúp người học chủ động phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và tìm kiếm các định hướng khởi nghiệp trên cơ sở phát huy tối đa năng lực bản thân. Học phần tập trung vào các nội dung chính như hình thành tư duy đổi mới sáng tạo; tìm kiếm và phát triển ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình, đề án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và rèn luyện các năng lực để trở thành một người khởi nghiệp ĐMST.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017) <i>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo – tư duy và công cụ</i>, NXB Phụ nữ.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lê Hoàng Bá Huyền, Lê Thị Lan (2022), <i>Khởi nghiệp ĐMST – Lý thuyết & Thực tiễn</i>. (Tài liệu</p> |

| | | | | |
|---|--------|-------------------------|---|--|
| | | | <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Có thể khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về khởi nghiệp và ĐMST từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</p> <p>+ CLO2: Thành thạo trong phân tích và vận dụng các kỹ thuật tư duy sáng tạo như Mindmap, Scamper, động não... vào giải quyết các vấn đề thực tiễn.</p> <p>+ CLO3: Phân tích, lựa chọn và đề xuất được ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi.</p> <p>+ CLO4: Xây dựng được bản kế hoạch khởi nghiệp ĐMST hoàn chỉnh và tự tin thuyết trình bảo vệ ý tưởng/dự án khởi nghiệp ĐMST trước hội đồng.</p> <p>+ CLO5: Phân tích được điểm mạnh, điểm yếu về năng lực khởi nghiệp ĐMST của bản thân từ đó chủ động xây dựng bản kế hoạch hoàn thiện năng lực.</p> <p>+ CLO6: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp và làm việc nhóm giúp lan toả tinh thần khởi nghiệp ĐMST mọi người.</p> | <p>lưu hành nội bộ)</p> <p>2) Eric Ries (2018), <i>Khởi nghiệp tinh gọn (Lean startup)</i> – Dương Hiếu & Kim Phương (dịch); NXB Thời đại.</p> |
| 8 | 121005 | Cơ sở văn hóa VN (2 TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần được thiết kế kết hợp cả lý thuyết và thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng về những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam; các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Phân biệt, khái quát, tổng hợp và so sánh được các lý thuyết về văn hóa từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</p> <p>+ CLO2: Phân tích được những hiệu ứng, dấu ấn văn hóa trên tất cả</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Trần Ngọc Thêm (1998), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB. GD</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Trần Quốc Vượng (2008), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB. GD</p> <p>2) Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB.VH TT HN</p> |

| | | | | |
|---|--------|----------------------------|--|--|
| | | | <p>các phương diện của đời sống xã hội như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Từ đó chỉ ra sự giao lưu, tiếp xúc và tiếp biến văn hóa.</p> <p>+ CLO3: Sử dụng ngôn ngữ và ứng xử giao tiếp chuẩn mực, phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.</p> <p>+ CLO4: Tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống dưới góc nhìn đa chiều, linh hoạt và toàn diện.</p> <p>+ CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần yêu quý, trân trọng các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những hủ tục lạc hậu, và yếu tố lệch lạc, phản văn hóa.</p> | |
| 9 | 181145 | Tâm lý học đại cương (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Tâm lý học là một khoa học; Hoạt động, giao tiếp và sự hình thành phát triển tâm lý, ý thức; Hoạt động nhận thức; Nhân cách và sự hình thành phát triển nhân cách. Từ đó hình thành được kỹ năng nhận diện các hiện tượng tâm lý cũng như phương hướng hình thành, phát triển nhân cách cho bản thân để phù hợp với cuộc sống cũng như yêu cầu của hoạt động nghề nghiệp.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Phân tích được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất của tâm lý người, chức năng của tâm lý, phân loại các hiện tượng tâm lý; các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý.</p> <p>+ CLO2: Phân tích, lý giải được khái niệm, đặc điểm, vai trò của hoạt động, giao tiếp; sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.</p> <p>+ CLO3: Phân tích được khái niệm, các qui luật của hoạt động nhận thức; mô tả được các quá trình cơ bản của trí nhớ và hoạt động ngôn ngữ của con người.</p> <p>+ CLO4: Phân tích, lý giải được bản chất nhân cách, các thuộc tâm lý của nhân cách như xu hướng, tính cách, khí chất, năng lực và chỉ</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc :</p> <p>1. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Luỹ, Đinh Văn Vang (2018), <i>Giáo trình tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> <p>* Tài liệu tham khảo :</p> <p>1. Nguyễn Xuân Thúc (2017), <i>Giáo trình Tâm lý học đại cương</i>, NXB Đại học sư phạm.</p> |

| | | | | |
|----|--------|----------------------------|--|---|
| | | | <p>ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách. Các sai lệch hành vi về mặt tâm lý và cách khắc phục.</p> <p>+ CLO5: Vận dụng kiến thức tâm lý học đại cương vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý người khoa học trong hoạt động thực tiễn, trong quan hệ ứng xử; làm bài tập theo nhiệm vụ.</p> <p>+ CLO6: Hình thành, phát triển các kỹ năng cần thiết nhằm hoàn thiện nhân cách bản thân đáp ứng linh hoạt, hiệu quả những yêu cầu của cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp tương lai.</p> <p>+ CLO7: Nhận thức rõ ý nghĩa, tầm quan trọng của nội dung kiến thức môn học trong cuộc sống, trong hoạt động nghề nghiệp để hình thành thái độ đúng đắn, tự giác, tích cực, hứng thú đối với việc tiếp thu kiến thức hiệu quả.</p> | |
| 10 | 123050 | Tiếng Việt thực hành (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần Tiếng Việt thực hành tập trung trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Việt như: văn bản, câu, từ, ngữ âm; từ đó thông qua hệ thống bài tập rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt như: phân tích và tạo lập văn bản; đặt câu, dùng từ và chính tả trong văn bản.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Có kiến thức vững chắc về tiếng Việt và kỹ năng sử dụng tiếng Việt trên các phương diện từ ngữ âm, từ vựng đến ngữ pháp.</p> <p>+ CLO2: Có kỹ năng vận dụng linh hoạt những vấn đề lý thuyết vào việc thực hành tạo lập và phân tích các văn bản; có kỹ năng phân tích và tạo lập văn bản; kỹ năng đặt câu, dùng từ và kỹ năng chính tả.</p> <p>+ CLO3: Có kỹ năng nhận diện, phân tích, tổng hợp và đánh giá các vấn đề về tiếng Việt; có kỹ năng truyền đạt, kỹ năng sử dụng tiếng Việt chuẩn mực, hiệu quả trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn; có kỹ năng giao tiếp và hợp tác làm việc nhóm, làm việc độc lập để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp trong học tập và nghiên cứu khoa học.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>[1]. Bùi Minh Toán - Lê A – Đỗ Việt Hùng (2012), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục Việt Nam.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (1997), <i>Tiếng Việt thực hành</i>, Nxb Giáo dục.</p> <p>[2]. Phan Thiều (1998), <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i>, tập 1, 2, Nxb Giáo dục.</p> |

| | | | | |
|----|--------|---------------------------------|--|---|
| | | | + CLO4: Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề về tiếng Việt; có tư duy độc lập, sáng tạo và ý thức trách nhiệm cao trong học tập, nghiên cứu; có khả năng tự định hướng, dẫn dắt chuyên môn; có năng lực ra quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định trong lĩnh vực nghiên cứu; có năng lực lập kế hoạch, điều phối và phát huy trí tuệ tập thể; yêu nghề, có phẩm chất đạo đức tốt, đam mê tìm hiểu và khám phá; có lòng tự hào và ý thức tôn trọng tiếng Việt. | |
| 11 | 125125 | Phương pháp NCKH (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những vấn đề chung về khoa học và nghiên cứu khoa học; các phương pháp nghiên cứu khoa học; logic tiến trình nghiên cứu khoa học; Xác định vấn đề, đặt tên đề tài, xây dựng luận điểm khoa học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; đạo đức khoa học; đánh giá một công trình khoa học.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học có hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi về khoa học và nghiên cứu khoa học.</p> <p>+ CLO2: Có kỹ năng thực hiện một đề tài khoa học : Lựa chọn đề tài, xây dựng đề cương và lập kế hoạch nghiên cứu; tổ chức nhóm nghiên cứu ; viết báo cáo tổng kết đề tài nghiên cứu,...</p> <p>+ CLO3: Người học vận dụng các nội dung học phần vào quá trình giảng dạy trong chương trình ở trường phổ thông.</p> <p>+ CLO4: Người học nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của Phương pháp nghiên cứu khoa học, trung thực, khách quan trong việc thực hiện các nội dung nghiên cứu.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Vũ Cao Đàm(2012) <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb Giáo dục</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Phạm Viết Vượng(2015), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục: Giáo trình đào tạo giáo viên THCS</i></p> <p>2) Phạm Viết Vượng(2002) <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>: Nxb ĐHQGHN,</p> |
| 12 | 118001 | Môi trường và con người (2 TC) | <p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần:Các vấn đề cơ bản về môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; an toàn lao động</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, Nxb GDHN</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị</p> |

| | | | | |
|-----|--------|------------------------|--|---|
| | | | <p>trong lao động sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Giải thích được các khái niệm về môi trường, cơ sở sinh thái của môi trường; nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, các biện pháp ngăn ngừa gây ô nhiễm môi trường.</p> <p>+ CLO2: Phân tích được mối quan hệ của các thành phần trong cấu trúc của hệ sinh thái, từ đó giải thích được cơ sở của đa dạng sinh học, vai trò của con người trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.</p> <p>+ CLO3: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm tìm kiếm, phân tích và xử lý thông tin, giải quyết một vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực môi trường;</p> <p>+ CLO4: Phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.</p> <p>+ CLO5: Xây dựng được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p> | <p>Phuong Loan (2011), <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>, NXB GD.</p> <p>2) <i>Luật bảo vệ môi trường 2020 (Luật số: 72/2020/QH14)</i>.</p> |
| 13 | 172555 | Công nghệ số (3 TC) | <p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần Công nghệ số cung cấp cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin và chuyển đổi số, bao gồm:</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Sử dụng và quản lý các phương tiện công nghệ thông tin và truyền thông;</p> <p>+ CLO2: Giải quyết vấn đề với sự hỗ trợ của CN số;</p> <p>+ CLO3: Ứng dụng công nghệ số trong việc học, tự học và trong công việc;</p> <p>+ CLO4: Ứng xử phù hợp trong môi trường số;</p> <p>+ CLO5: Hợp tác trong môi trường số.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Lê Thị Hồng (2020), <i>Tin học căn bản</i>, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Minh Quý, 2013, <i>Microsoft Office 2007</i>, NXB Hồng Đức.</p> |
| 14a | 114025 | Toán cao cấp | <p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm các kiến thức cơ bản về</p> | <p>* Giáo trình/Bộ giáo trình bắt</p> |

| | | | | |
|-----|--------|-------------------------|---|--|
| | | (2TC) | <p>ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; không gian vectơ và ánh xạ tuyến tính; phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Giải thành thạo các bài toán về phương trình ma trận, các phép toán trên ma trận; tính thành thạo định thức.</p> <p>+ CLO2: Vận dụng các kiến thức về ma trận và định thức vào giải các hệ phương trình tuyến tính.</p> <p>+ CLO3: Tính thành thạo các bài toán cơ bản về đạo hàm và tích phân.</p> <p>+ CLO4: Giải thành thạo các bài tập cơ bản liên quan đến các tính chất về phép tính vi phân của hàm nhiều biến và vận dụng vào giải các bài toán liên quan đến chuyên ngành học.</p> <p>+ CLO5: Thể hiện được khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, có khả năng làm việc độc lập.</p> | <p>buộc</p> <p>[1]. Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013), <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục..</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chính (2004). <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>[2]. Nguyễn Tiến Quang, Lê Đình Nam (2014). <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.</p> |
| 14b | 116015 | Hóa học đại cương (2TC) | <p>- Nội dung học phân: Các khái niệm và định luật Hoá học; Cấu tạo nguyên tử theo quan điểm cơ học lượng tử; Đại cương về cấu tạo phân tử và liên kết hoá học; Các nguyên lý nhiệt động hoá học; Dung dịch và các thuộc tính vật lý; Phản ứng ôxi hoá - khử và dòng điện.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Cung cấp hệ thống khái niệm và định luật cơ bản; cấu tạo nguyên tử, hệ thống tuần hoàn; cấu tạo phân tử và liên kết hóa học.</p> <p>+ CLO2: Vận dụng kiến thức cấu tạo nguyên tử, HTTH, liên kết, cấu tạo phân tử, làm sáng tỏ mối quan hệ giữa cấu trúc lớp vỏ electron và sự biến thiên tuần hoàn các tính chất nguyên tử, phân tử, các hợp chất hóa học.</p> <p>+ CLO3: Vận dụng các nguyên lý của nhiệt động hóa học để tính được hiệu ứng nhiệt của phản ứng, hằng số cân bằng hóa học, tốc độ</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>1. Lê Mậu Quyền - Hoá học Đại cương - NXB Giáo dục 2005.</p> <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Lê Mậu Quyền (2005), <i>Bài tập Hoá học Đại cương</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Trần Thành Huế (2007), <i>Hoá học Đại cương 1 Cấu tạo chất</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> |

| | | | | |
|-----|--------|---------------------|---|--|
| | | | <p>và hằng số tốc độ của phản ứng.</p> <p>+ CLO4: Phân tích, vận dụng kiến thức về dung dịch để tính được độ điện li, nồng độ dung dịch và pH của dung dịch. Vận dụng kiến thức về phản ứng oxi hóa – khử và dòng điện tính dự đoán được chiều diễn biến của phản ứng hóa học, ứng dụng trong thực tiễn.</p> <p>+ CLO5: Hình thành được phương pháp tự học, tự nghiên cứu, phương pháp làm việc, giao tiếp khoa học và phân tích đánh giá kiến thức của học phần với kiến thức tổng thể của ngành.</p> | |
| 14c | 118045 | Sinh thái học (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Những vấn đề chung về sinh thái học: khái niệm, nội dung cơ bản của sinh thái học; quan hệ của sinh thái học với các môn khoa học; các phân môn của sinh thái học; phương pháp nghiên cứu sinh thái học. Mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật và giữa sinh vật với môi trường của các cấp độ tổ chức sống: sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã, hệ sinh thái; các hệ sinh thái chính trên trái đất.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Phát biểu được những khái niệm cơ bản của sinh thái học trong mối quan hệ giữa cơ thể và môi trường; nêu được những đặc điểm cơ bản, cấu trúc của quần thể, quần xã và hệ sinh thái; biết được các khu dự trữ sinh học trên trái đất.</p> <p>+ CLO2: Giải thích được mối quan hệ giữa quần thể sinh vật, quần xã sinh vật, hệ sinh thái với môi trường.</p> <p>+ CLO3: Phân tích được sự ảnh hưởng của các yếu tố sinh thái đến cá thể sinh vật và ngược lại.</p> <p>+ CLO4: Vận dụng được cơ sở sinh thái học trong thực tiễn cuộc sống, sản xuất và bảo vệ môi trường.</p> <p>+ CLO5: Hình thành khả năng tư duy độc lập, tự học và làm việc khoa học.</p> <p>+ CLO6: Hình thành ý thức và hành động bảo vệ môi trường, bảo vệ</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1. Đỗ Văn Nhượng (2013). Sinh thái học. NXB Giáo dục.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1. Vũ Trung Tạng (2000). Cơ sở sinh thái học. NXB Giáo dục Hà Nội.</p> <p>2. . Dương Hữu Thời (2001). Cơ sở sinh thái học. NXB ĐHQG Hà Nội, 2001.</p> |

| | | | | |
|----|--------|------------------------|---|--|
| | | | đa dạng sinh học. | |
| 15 | 133031 | Tiếng Anh 1 (4 TC) | <p>- Nội dung học phần: Ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ tiền A2.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2.</p> <p>+ CLO2: Sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ tiền A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ tiền A2.</p> <p>+ CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.</p> <p>+ CLO4: Sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ tiền A2; có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2012, <i>English File–Elementary 3rd edition</i>, Oxford University Press.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>2) Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>, Cambridge University Press</p> |
| 17 | 133032 | Tiếng Anh 2 (3 TC) | <p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ cuối A2..</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.</p> <p>+ CLO2: Có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ cuối A2, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ cuối A2.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson, 2013. <i>English File–Preintermediate 3rd edition</i>. Oxford University Press. (Ký hiệu HLBB1)</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Raymond Murphy (2013), <i>Essential Grammar In Use</i>, NXB</p> |

| | | | | |
|----|--------|------------------------------|--|--|
| | | | <p>+ CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.</p> <p>+ CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực trình độ cuối A2; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.</p> | <p>Thời đại(HLTK1) 2) Cambridge ESOL (2013).<i>Cambridge Preliminary English Test 3</i>, Cambridge University Press.(HLTK2)</p> |
| 17 | 133033 | Tiếng Anh 3 (3 TC) | <p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trình độ B1.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Vận dụng được kiến thức về ngữ âm tiếng Anh, từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.</p> <p>+ CLO2: Có khả năng sao chép, mô phỏng phát âm từ, cụm từ, câu nằm trong phạm vi quy định của trình độ B1, vận dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng đã học để hoàn thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trình độ B1.</p> <p>+ CLO3: Rèn luyện tính kỷ luật, nề nếp trong chấp hành các quy định của học phần, nghiêm túc, chủ động, tích cực tham gia vào các hoạt động học tập của học phần, có ý thức vượt khó vươn lên trong học tập bồi dưỡng.</p> <p>+ CLO4: Có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN; Có khả năng sáng tạo trong quá trình học; có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson, 2011.<i>English File-Pre-intermediate 3rd edition</i>.Oxford University Press.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 5</i>, Cambridge University Press</p> <p>2) Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test 6</i>, Cambridge University Press</p> |
| 18 | 125039 | Địa chất môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Các khái niệm về địa chất môi trường và các phương pháp nghiên cứu; đặc điểm của môi trường địa chất; động lực phát triển của môi trường địa chất gồm động lực tự nhiên và</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>[1]. Nguyễn Đình Hòa (2001), <i>Địa chất môi trường</i>, Nxb ĐH</p> |

| | | | | |
|----|--------|---------------------------------|---|---|
| | | | <p>động lực nhân sinh; nghiên cứu tai biến môi trường, địa chất y học; nghiên cứu đánh giá môi trường địa chất từ đó đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, ngăn ngừa nguy cơ các tai biến xảy ra đối với con người.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và trình bày được khái niệm, các phương pháp nghiên cứu, đặc điểm của môi trường địa chất (Trái đất, đặc điểm và nguồn gốc thành tạo các vật liệu cấu tạo trái đất, động lực phát triển của môi trường địa chất, tai biến môi trường, các vấn đề của môi trường địa chất đối với sức khỏe con người,...);</p> <p>+ CLO2: Phân tích và đánh giá các hoạt động tác động của tự nhiên và con người đến môi trường địa chất, thành lập bản đồ đánh giá tác động môi trường, xây dựng các luận cứ khoa học cho quy hoạch môi trường địa chất, kiểm soát và quản lý môi trường địa chất.</p> <p>+ CLO3: Kỹ năng quan sát, nhận xét hình ảnh, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ,... Phân tích, tổng hợp những tác động của các quá trình địa chất tự nhiên và nhân sinh lên môi trường tự nhiên và môi trường kinh tế - xã hội.</p> <p>+ CLO4: Xây dựng được kế hoạch, quy trình đánh giá môi trường địa chất; bước đầu thành lập bản đồ đánh giá môi trường địa chất ở một lãnh thổ cụ thể.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến môi trường địa chất.</p> | <p>QGHN.</p> <p>* Học liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Mai Trọng Nhuận, (2006), <i>Địa chất môi trường</i>, NXB ĐHQGHN.</p> <p>[2]. Nguyễn Đình Hòe, (1996), <i>Tai biến môi trường khu vực ven biển Việt Nam</i>, Tổng luận phân tích, Bộ KH&CN, Hà Nội.</p> |
| 19 | 125238 | Địa lí tự nhiên đại cương (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Hệ Mặt trời và các giả thuyết về hệ Mặt trời; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Khái niệm và nguồn gốc thạch quyển; Khái niệm chung về địa hình bề mặt Trái đất; Hoạt động địa mạo do dòng nước</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>[1]. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên). <i>Địa lý tự nhiên đại cương 1</i>, NXB ĐHSP Hà Nội, 2011.</p> |

| | | | |
|--|--|---|---|
| | | <p>trên mặt và địa hình do chúng tạo thành; Hoạt động địa mạo của nước dưới đất; Hoạt động địa mạo của gió; Địa mạo các miền núi lửa; Địa hình miền núi; Địa hình đồng bằng và cao nguyên; Các quá trình địa mạo và địa hình bờ biển; Địa hình đáy đại dương; Bức xạ Mặt trời và cân cân bức xạ; Nhiệt độ và nước trong khí quyển; Khí áp và gió; Khí hậu; Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và Các quy luật địa lí chung trên Trái đất.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được những vấn đề chung về Vũ trụ và các thiên thể trong vũ trụ; Trái đất và một số đặc điểm của Trái đất; Thạch quyển; Khí hậu; Thủy quyển, thổ nhưỡng quyển, sinh quyển và Các quy luật địa lí chung trên Trái đất.</p> <p>+ CLO2: Vẽ được các hình minh họa cho các vấn đề về Hệ Mặt trời, sự chuyển động biểu kiến của trái đất quanh Mặt trời và hiện tượng ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa ở các vĩ độ; sự thay đổi góc nhập xạ của Mặt trời, các tầng khí quyển, các loại fron...v.v</p> <p>+ CLO3: Tính toán được giờ tại các địa phương khác nhau, biết đổi ngày theo quy ước quốc tế để phục vụ cho cuộc sống thường ngày và giao dịch quốc tế đơn giản. Tính toán được góc nhập xạ trên bề mặt Trái Đất vào các ngày phân (Xuân phân, Thu phân), ngày chí (Hạ chí, Đông chí) và các ngày</p> <p>+ CLO4: Giải thích được các vấn đề thường ngày như hiện tượng thủy triều, tuần trăng, nhật thực, nguyệt thực, ngày đêm dài ngắn khác nhau theo mùa, hiện tượng phơn, sự phân mùa của khí hậu, sự phân hóa của thổ nhưỡng và sinh quyển...</p> <p>+ CLO5: Nhận biết được các loại, kiểu địa hình và các đặc trưng cơ bản của chúng trên bề mặt đất gắn với nguồn gốc hình thành; các hình thái thời tiết và khí hậu, các loại gió mùa, front, các loại đất chính trên Trái đất, các kiểu cảnh quan điển hình...v.v.</p> | <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Tìm hiểu Trái Đất. Nguyễn Hữu Danh. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000</p> <p>[2]. Địa hình bề mặt Trái Đất. Đỗ Hưng Thành. Nhà xuất bản Giáo dục, 2000</p> |
|--|--|---|---|

| | | | | |
|-----|--------|-----------------------------|--|---|
| | | | + CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí. | |
| 20a | 125085 | Kinh tế và phát triển (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Hệ thống chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng và phát triển kinh tế, phát triển bền vững của các quốc gia. Hệ thống kiến thức về các yếu tố đầu vào trong phát triển kinh tế của một quốc gia; Nội dung của các lý thuyết và mô hình phát triển kinh tế tiêu biểu trên thế giới, tìm hiểu về mô hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam. Các vấn đề nảy sinh trong quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế như: công bằng xã hội, nghèo đói, bất bình đẳng, Vai trò, đặc điểm và định hướng hướng phát triển của các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ,... trong nền kinh tế các nước đang phát triển. Những chiến lược, chính sách đổi mới nền KTXH và thành tựu phát triển KTXH của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Sinh viên phân tích, đánh giá được vai trò, đặc điểm của các nguồn lực phục vụ phát triển KTXH của quốc gia; vai trò, đặc điểm của ngành kinh tế (nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ) trong quá trình tăng trưởng và phát triển KT. Các chính sách mà chính phủ các nước sử dụng để phát triển kinh tế xã hội.</p> <p>+ CLO2: Hiểu, phân tích được những chính sách phát triển kinh tế quan trọng của Việt Nam; những thành tựu và hạn chế trong công cuộc đổi mới nền kinh tế của Việt Nam.</p> <p>+ CLO3: Vận dụng, tính toán được một số chỉ tiêu KTXH; vẽ biểu đồ, mô hình hóa bằng sơ đồ,... Kỹ năng trình bày vấn đề, viết báo cáo, thuyết trình, phản biện các vấn đề KTXH.</p> <p>+ CLO4: Sinh viên có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, làm việc độc lập, làm việc nhóm, vận dụng thực tế. Bình tĩnh, tự tin, khả năng tư</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>[1] Vũ Thị Ngọc Phùng (2005), Giáo trình kinh tế phát triển, NXB Lao động xã hội, Hà Nội</p> <p>*Tài liệu tham khảo</p> <p>[1] Ngô Thắng Lợi (chủ biên), Giáo trình kinh tế phát triển (2010). NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>[2] Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (đồng chủ biên) (2008), Giáo trình Kinh tế phát triển (<i>dùng cho sinh viên ngoài chuyên ngành</i>), NXB đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> |

| | | | | |
|-----|--------|------------------------|---|--|
| | | | <p>duy độc lập; ý thức chủ động học tập, kỉ luật, nghiêm túc; chăm chỉ, cầu thị.</p> <p>+ CLO5: Có năng lực tiếp nhận những vấn đề mới trong phát triển kinh tế xã hội; hình thành ý thức trách nhiệm đối với quá trình phát triển kinh tế của địa phương, đất nước.</p> | |
| 20b | 182020 | Khoa học quản lí (2TC) | <p>- Nội dung học phần: gồm các nội dung: Hệ thống những lý luận cơ bản về quản lí và khoa học quản lí. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung làm rõ nhập môn khoa học quản lí, vai trò, chức năng quản lí, việc vận dụng quy luật trong quản lí; Lịch sử các tư tưởng quản lí; Các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc khoa học quản lí. Kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lí, thông tin quản lí, quyết định quản lí, Tổ chức khoa học lao động và cán bộ quản lí.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Trang bị cho sinh viên những nguyên lý chung, những hiểu biết cơ bản về khoa học quản lí. Nắm được vai trò, chức năng quản lí, việc vận dụng quy luật trong quản lí, lịch sử các tư tưởng quản lí, các khái niệm, phạm trù, phương pháp, nguyên tắc quản lí một cách khoa học, kiến thức về cơ cấu tổ chức quản lí, thông tin quản lí, quyết định quản lí, tổ chức khoa học lao động quản lí và ng</p> <p>+ CLO2: Học phân cung cấp cho người học những kiến thức mới về công nghệ và kỹ thuật quản lí.</p> <p>+ CLO3: Vận dụng những quy luật và nguyên tắc, phương pháp quản lí vào hoạt động thực tiễn, vào hoạt động quản trị nhân sự ở các ngành, các cấp, các tổ chức cơ sở. Ra các quyết định quản lí và tổ chức thực hiện các quyết định một cách hiệu quả, xử lý những tình huống xảy ra trong quản trị nhân sự.</p> <p>+ CLO4: Tự chịu trách nhiệm trước các quyết định và hành vi của mình trong công việc; Có tư duy phản biện, độc lập và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề; có kỹ năng giao tiếp, làm việc</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>1. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Quản lí kinh tế. (Hồ Văn Vĩnh chủ biên) (2006), <i>Giáo trình khoa học quản lí</i>, NXB Lý luận chính trị.</p> <p>* Tài liệu/Bộ tài liệu tham khảo</p> <p>1. Harold Koontz (2004), <i>Những vấn đề cốt yếu của quản lí</i>. NXB Khoa học và kỹ thuật.</p> <p>2. Nguyễn Thị Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà, Đỗ Thị Hải Hà (2018), <i>Quản lí học</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> |

| | | | | |
|-----|--------|-----------------------|--|---|
| | | | nhóm hiệu quả và chuyên nghiệp. | |
| 20c | 125190 | Địa lí nhân văn (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần địa lí nhân văn đề cập tới những kiến thức cơ bản về về khái niệm, đối tượng, phương pháp, lịch sử nghiên cứu địa lí nhân văn trên thế giới; vấn đề dân tộc- dân cư và định cư; điều kiện địa lí và sinh thái lãnh thổ với phân bố dân tộc và chủng tộc; dân cư và không gian phân bố; địa lí văn hóa và địa lí ngôn ngữ; các tôn giáo lớn và những vấn đề tôn giáo trong thời đại hiện nay; địa lí kinh tế- chính trị và những xu hướng thay đổi toàn cầu hóa; đô thị hóa, đô thị nông thôn và địa lí học; chiến lược phát triển bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được những kiến thức về khái niệm, đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ nghiên cứu, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu địa lí kinh - xã hội. Nhận diện được những yếu tố cơ bản trong các khái niệm: “địa lí nhân văn”, “di cư”, “địa lí tôn giáo”, “dân tộc, chủng tộc”, “đô thị hóa”, “chiến lược phát triển bền vững”, “văn hóa dân gian và văn hóa cộng đồng”</p> <p>+ CLO2: Phân tích đánh giá, phân loại TNTN và đánh giá vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững; liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển KT- XH bền vững. Phân tích, đánh giá được các khía cạnh xã hội của đời sống con người như: tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI. Đánh giá tác động của các vấn đề địa lí nhân văn thông qua hệ thống các chỉ tiêu, liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.</p> <p>+ CLO3: Thành thạo các kỹ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kỹ năng đọc bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường...; kỹ</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc: [1]. Lê Thông (chủ biên), (1996), <i>Địa lí nhân văn</i>, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo: [1]. Lê Văn Trường (2005), <i>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương</i>, NXB Chính trị quốc gia [2]. Viện Địa lí nhân văn- Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, <i>Tạp chí Nghiên cứu Địa lí nhân văn</i>; [3]. Nguyễn Ngọc Tuấn (2003), <i>Từ điển thuật ngữ Địa lí nhân văn</i>, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.</p> |

| | | | | |
|-----|--------|--|---|--|
| | | | <p>năng biên tập các bản đồ chuyên đề địa lý dân cư, phân bố và sử dụng tài nguyên, môi trường thế giới; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kỹ năng vận dụng kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, các loại hình quần cư; tài nguyên thiên nhiên và sử dụng tài nguyên thiên nhiên; các vấn đề về tôn giáo, văn hóa, chủng tộc, dân tộc, ngôn ngữ... trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương.</p> <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học về địa lí nhân văn vào thực tiễn cuộc sống và công việc hàng ngày.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí nhân văn.</p> | |
| 21a | 125232 | Địa lí kinh tế- xã hội đại cương (3TC) | <p>- Nội dung học phần: phương pháp luận và phương pháp của ĐLKTXH, các khái niệm cơ bản, quy luật Địa lý và bức tranh chung trong sự sử dụng tài nguyên thiên nhiên, môi trường bởi xã hội loài người; những khía cạnh của dân số học và Địa lý dân cư; những khía cạnh của Địa lý xã hội (Địa lý ngôn ngữ, Địa lý tôn giáo..); những kiến thức cơ bản về các nguồn lực để phát triển kinh tế- xã hội, cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; tìm hiểu địa lí các ngành kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ .</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được những kiến thức về khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu địa lý KT- XH. Biết cách</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên) (2007), <i>Địa lí kinh tế - xã hội đại cương</i>, NXB ĐH Sư phạm Hà Nội..</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lê Văn Trường (2005), <i>Địa lí kinh tế- xã hội đại cương</i>; NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội</p> <p>2) Bùi Văn Loan (1983), <i>Cơ sở Địa lí kinh tế</i>, NXB Giáo dục, Hà</p> |

| | | | |
|--|--|---|------|
| | | <p>phân loại và đánh giá vấn đề sử dụng hợp lý TNTN trên thế giới; vấn đề môi trường và phát triển bền vững. Phân tích đánh giá các khía cạnh xã hội của đời sống con người như: tôn giáo, ngôn ngữ, văn hóa, dân tộc, các hình thức quần cư, chỉ số phát triển con người HDI. Từ đó giải thích và dự báo được xu hướng phát triển trong tương lai và vai trò của con người trong việc phát triển KT- XH bền vững.</p> <p>+ CLO2: Phân tích, đánh giá được các nguồn lực phát triển KT- XH; cơ cấu và hệ thống không gian của nền kinh tế; biết cách vận dụng để phân tích các nguồn lực phát triển, cơ cấu kinh tế và hệ thống không gian KT- XH ở địa phương; đánh giá đặc điểm các ngành kinh tế trên thế giới bao gồm nguồn lực, thực trạng phát triển và phân bố, định hướng phát triển...; đặc điểm các vùng kinh tế trên thế giới. Đánh giá tác động của các vấn đề địa lí KT- XH thông qua hệ thống các chỉ tiêu (GDP/người, hệ số mở, chỉ số HDI...), liên hệ cụ thể tại địa bàn nơi sinh sống.</p> <p>+ CLO3: Thành thạo các kĩ năng phân tích biểu đồ, bảng số liệu thống kê; kĩ năng đọc và biên tập các bản đồ chuyên đề như: bản đồ dân cư, tài nguyên, môi trường, các ngành kinh tế và các vùng kinh tế... có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian. Hoàn thiện kĩ năng vận dụng kiến thức đại cương để viết các báo cáo nhỏ về tình hình dân cư, tài nguyên thiên nhiên; nguồn lực, sự phát triển và phân hóa các ngành kinh tế; sự phân hóa các vùng kinh tế trên thế giới, ở Việt Nam và ở địa phương.</p> <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, quy luật phát triển kinh tế; có ý thức trách nhiệm công dân đối với sự phát triển KT- XH của đất nước; ý thức bảo vệ tài nguyên, môi trường trong quá trình phát triển kinh tế. Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập</p> | Nội. |
|--|--|---|------|

| | | | | |
|-----|--------|-----------------------|---|---|
| | | | <p>trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thiết kế giáo án các tiết học có nội dung địa lí KT- XH ở trường phổ thông.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí KT- XH.</p> | |
| 21b | 125258 | Địa lí Việt Nam (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Trang bị các kiến thức về: Đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; lịch sử hình thành và phát triển lãnh thổ Việt Nam; đặc điểm chung của tự nhiên Việt Nam; đặc điểm của các thành phần tự nhiên; vấn đề sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu rõ và trình bày được: đặc điểm, ý nghĩa của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, lịch sử hình thành và đặc điểm chung của các thành phần tự nhiên Việt Nam.</p> <p>+ CLO2: Phân tích được các đặc điểm của từng thành phần tự nhiên nước ta. Nắm vững, đánh giá được thế mạnh, hạn chế của tất cả các thành phần tự nhiên, mối quan hệ giữa tự nhiên và sự phát triển KT-XH. Từ đó có ý thức, hành động thiết thực bảo vệ tự nhiên, môi trường.</p> <p>+ CLO3: Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá sự vật, hiện tượng địa lí; kỹ năng phân tích atlas, latcat địa lí; sử dụng thành thạo các bản đồ, biểu đồ, số liệu thống kê...</p> <p>+ CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tự nhiên của đất nước; có ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên ở mỗi miền, khu vực tự nhiên ở nước ta.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Vũ Tự Lập (2004), <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Đặng Duy Lợi (Chủ biên), (2012), <i>Địa lí tự nhiên Việt Nam I</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>2) Lê Bá Thảo (2008), <i>Thiên nhiên Việt Nam</i>, NXBGD</p> |

| | | | | |
|----|--------|-------------------------------------|--|--|
| 22 | 125056 | Quản lý tài nguyên khoáng sản (3TC) | <p>- Nội dung học phần: các vấn đề chung về tài nguyên khoáng sản; quá trình hình thành, thực trạng và ảnh hưởng của việc khai thác và sử dụng khoáng sản tới môi trường; các vấn đề chung về quản lý tài nguyên khoáng sản; Luật khoáng sản, Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản và các vấn đề về quản lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và trình bày được các vấn đề về tài nguyên khoáng sản như khái niệm, phân loại, phân bố, trữ lượng; hoạt động khai thác khoáng sản và những tác động của khai thác khoáng sản tới môi trường.</p> <p>+ CLO2: Phân tích, đánh giá được tác động của hoạt động khai thác khoáng sản tới môi trường; đề xuất các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản hiệu quả.</p> <p>+ CLO3: Nắm vững các văn bản pháp luật về tài nguyên khoáng sản và vận dụng trong quản lý tài nguyên khoáng sản ở Việt Nam.</p> <p>+ CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.</p> | <p>8.1. Giáo trình bắt buộc [1]. Lại Hồng Thanh (2009), <i>Quản lý nhà nước về khoáng sản</i>, Cục địa chất và khoáng sản Việt Nam.</p> <p>8.2. Tài liệu tham khảo [5]. Lưu Đức Hải, Chu Văn Ngợi (2002), <i>Tài nguyên khoáng sản</i>, NXB QGHN</p> |
| 23 | 125091 | Quản lý tài nguyên nước (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Những cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học trình bày được cơ sở lý luận và thực tiễn quản lý tổng hợp tài nguyên nước; tài nguyên nước mưa; tài nguyên nước mặt; tài nguyên nước dưới đất; chất lượng nước sông; mô hình quản</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc: [1]. Hoàng Ngọc Quang, <i>Giáo trình quản lý tài nguyên nước</i>, Hà Nội 2010</p> <p>* Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Thái Hưng, (1996), <i>Quản lý tài nguyên nước hợp lý về mặt môi trường</i>, ĐH Thủy Lợi</p> |

| | | | | |
|----|--------|-----------------------------------|--|--|
| | | | <p>lý tổng hợp tài nguyên nước; các giải pháp quản lý tài nguyên nước.</p> <p>+ CLO2: Người học biết tổ chức, lập kế hoạch quản lý tài nguyên nước và đề ra được các giải pháp quản lý tài nguyên nước ở một mô hình thi điểm,.... phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>+ CLO3: Người học có các hành vi thiết thực trong vấn đề nghiên cứu chuyên ngành, có ý thức và hành động thiết thực trong học tập và trong công tác nhằm giải quyết các vấn đề liên quan chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường.</p> | Hà Nội. |
| 24 | 125092 | Quản lý nhà nước về đất đai (3TC) | <p>- Nội dung học phần: công tác quản lý hành chính nhà nước, quản lý nhà nước về đất đai, luật đất đai; Quá trình phát triển về công tác quản lý nhà nước về đất đai qua các thời kỳ; Các nội dung quản lý nhà nước về đất đai; Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Các thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất đai.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề đại cương về quản lý hành chính nhà nước và quản lý nhà nước về đất đai;</p> <p>+ CLO2: Phân tích được các vấn đề cơ bản về ngành Luật đất đai;</p> <p>+ CLO3: Trình bày được quá trình phát triển của công tác quản lý Nhà nước về đất đai ở nước ta;</p> <p>+ CLO4: Giải thích được các nội dung quản lý nhà nước về được</p> <p>+ CLO5: Làm rõ được các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất;</p> <p>+ CLO6: Trình bày được các thủ tục hành chính về đất đai;</p> <p>+ CLO7: Giải quyết được các tình huống về đất đai trên thực tế; Thực hiện được các thủ tục hành chính về đất đai; Đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai ở 1 địa phương;</p> <p>+ CLO8: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>[1]. Nguyễn Khắc Thái Sơn (2007), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về đất đai</i>. NXB Nông nghiệp</p> <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Giáo trình Luật đất đai (2020). Nhà xuất bản Đại học Luật Hà Nội.</p> <p>[2]. Lê Kim Dung (2013), <i>Đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên phục vụ quy hoạch sử dụng đất: Trường hợp lưu vực sông Chu (Phần lãnh thổ Việt Nam)</i>, NXB Khoa học xã hội.</p> |

| | | | | |
|----|--------|-----------------------------------|---|---|
| 25 | 125052 | Thực tế môi trường tự nhiên (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Xác định được mục tiêu, nhiệm vụ và các phương pháp sử dụng khi đi thực địa. Các bước chuẩn bị đi thực địa. Dự trù kinh phí, chuẩn bị tư trang cá nhân, tài liệu và trang thiết bị cần thiết... Vạch tuyến khảo sát thực địa các thành phần tự nhiên: địa chất, địa mạo, địa hình, khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng, sinh vật. Trong quá trình thực hiện chuyến thực địa sẽ khảo sát các đặc điểm môi trường thiên nhiên tại một số địa điểm thuộc thành phố Hải Phòng (đảo Cát Hải, Đồ Sơn...), tỉnh Quảng Ninh (Yên Tử, TP Hạ Long, một vài mỏ than...), TP Lạng Sơn và phụ cận, viết báo cáo thực địa</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Học phần nhằm mục tiêu: củng cố kiến thức địa lý tự nhiên đại cương, địa chất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản đã học, phân tích được các kiến thức lý luận về các học phần. Đồng thời phân tích đặc điểm môi trường thiên nhiên ở một số tỉnh thành khu vực Đông Bắc Việt Nam.</p> <p>+ CLO2: Hiểu biết được một số đặc điểm môi trường thiên nhiên cụ thể ngoài thực địa như: sự hình thành địa hình đá vôi, một số dạng địa hình, khoáng sản được hình thành ở khu vực khu vực đông Bắc, đa dạng sinh học tại Vườn quốc gia Cát Bà, các yếu tố khí tượng, công tác dự báo khí tượng và biểu hiện của biến đổi khí hậu qua một số yếu tố khí tượng (nhiệt độ, lượng mưa) ở Trạm KTTV.</p> <p>+ CLO3: Hoàn thiện kỹ năng học và tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm và viết báo cáo về một vấn đề môi trường thiên nhiên, khả năng duy logic, tổng hợp, phân tích các vấn đề môi trường, địa chất và bản đồ ở các dạng địa hình một cách chính xác, khách quan, khoa học.</p> <p>+ CLO4: Có kỹ năng khảo sát, đo đạc địa chất, nhận biết các vấn đề môi trường.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>[1] Phùng Ngọc Đĩnh, 1996, <i>Thực hành địa chất</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1] A.M. Berliant (Hoàng Phương Nga, Nhữ Thị Xuân biên dịch), 2004, <i>Phương pháp nghiên cứu bằng bản đồ</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>[2] Lê Bá Thảo, 1983, <i>Cơ sở địa lý tự nhiên</i>, NXB ĐHSP Hà Nội.</p> |
|----|--------|-----------------------------------|---|---|

| | | | | |
|----|--------|--|---|--|
| | | | + CLO5: Có khả năng tự định hướng, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch thực địa. | |
| 26 | 125352 | Quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ đa dạng sinh học (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Khái niệm về rừng, đa dạng sinh học, quản lý tài nguyên rừng và bảo vệ đa dạng sinh học, vai trò của rừng và đa dạng sinh học đối với môi trường và con người; sinh trưởng, phát triển và tái sinh rừng; tài nguyên rừng và suy thoái; các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam; chính sách quản lý rừng và bảo vệ đa dạng sinh học bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Phân tích được vai trò của rừng và đa dạng sinh học; những nguyên nhân gây suy thoái rừng và giảm tính đa dạng sinh học; biện pháp bảo vệ rừng và bảo vệ đa dạng sinh học bền vững.</p> <p>+ CLO2: Mô tả được cấu trúc của một hệ sinh thái rừng cơ bản ở Việt Nam.</p> <p>+ CLO3: Xây dựng được kế hoạch, quy trình, chiến lược phát triển và bảo vệ tài nguyên rừng, đa dạng sinh học bền vững của một VQG, Khu BTTN cụ thể.</p> <p>+ CLO4: Xây dựng được kế hoạch quản lý, phát triển tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.</p> <p>+ CLO5: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống; tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.</p> | <p>* Tài liệu bắt buộc: [1]. Võ Hành (2009), <i>Đa dạng sinh học</i>, Nxb Khoa học và Kỹ thuật.</p> <p>* Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Nghĩa Thìn (2004), <i>Hệ sinh thái rừng nhiệt đới</i>, Nxb ĐH QGHN thuật. [2]. Luật đa dạng sinh học (Luật số 20/2008/QH12, ngày 13/11/2008).</p> |
| 27 | 125116 | Quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam (3TC) | - Nội dung học phần: Quản lý tài nguyên và môi trường biển; Luật pháp về biển và việc áp dụng luật quốc tế về biển ở Việt Nam; về pháp luật và các văn bản dưới luật về quản lý tài nguyên, môi trường, pháp lý chủ quyền trên biển. Xây dựng mô hình quản lý biển. Hệ thống những kiến thức về những qui luật tự nhiên và tài | * Giáo trình bắt buộc [1]. Lê Đức Tố (chủ biên), Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh. <i>Quản lý biển</i> . NXB Đại học Quốc gia Hà |

| | | | | |
|----|--------|---|--|--|
| | | | <p>nguyên môi trường Biển Đông, các giá trị của hệ sinh thái biển. Đánh giá và dự báo tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đối với môi trường và các hệ tự nhiên của biển.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và trình bày được đặc điểm tự nhiên và tài nguyên biển Việt Nam; vai trò và ý nghĩa của biển Đông đối với tự nhiên và đời sống, KTXH Việt Nam.</p> <p>+ CLO2::Phân tích giá trị các tài nguyên của biển Đông và tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội đối với tài nguyên và môi trường biển Đông.</p> <p>+ CLO3: Hiểu và trình bày được các văn bản luật và dưới luật về quản lý tài nguyên, môi trường biển Việt Nam. Vận dụng các văn bản đó trong quản lý tài nguyên và môi trường biển Việt Nam.</p> <p>+ CLO4: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.</p> | <p>Nội. 2004.</p> <p>* Học liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Nguyễn Chu Hồi (chủ biên), <i>Quản lý bền vững biển, đảo Việt Nam</i>, NXB Chính trị Quốc gia sự thật, Hà nội, 2018.</p> <p>[2]. Lưu Đức Hải, Nguyễn Ngọc Sinh. <i>Quản lý môi trường cho sự phát triển bền vững</i>. NXB ĐHQG Hà Nội. Hà Nội, 2000.</p> |
| 28 | 125097 | Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại trang bị các kiến thức về chất thải rắn; nguồn gốc, thành phần, tính chất của chất thải rắn và chất thải nguy hại; thu gom vận chuyển và trung chuyển chất thải rắn và chất thải nguy hại; thu hồi tái chế chất thải rắn; xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại; những vấn đề liên quan đến chất thải nguy hại; hiện trạng quản lý chất thải rắn ở Việt Nam; hiện trạng phát sinh, thu gom, xử lý một số loại chất thải rắn phổ biến.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về chất thải rắn, chất thải rắn nguy hại, hiện trạng quản lý chất thải rắn ở Việt Nam, hiện trạng thu</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Nguyễn Văn Phước (2008), <i>Quản lý và xử lý chất thải rắn</i>, Nhà xuất bản xây dựng.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lâm Minh Triết - Lê Thanh Hải (2012), <i>Quản lý chất thải nguy hại</i>, Nhà xuất bản xây dựng</p> |

| | | | | |
|----|--------|--|---|---|
| | | | <p>gom và xử lý một số loại chất thải rắn ở Việt Nam.</p> <p>+ CLO2: Xây dựng được các dự án quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho khu dân cư hoặc chất thải rắn sản xuất cho các doanh nghiệp, xí nghiệp.</p> <p>+ CLO3: Xử lý được các chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại</p> <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội của đất nước.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> | |
| 29 | 125353 | Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn, làng nghề (3TC) | <p>- Nội dung học phần: hiện trạng nông thôn Việt Nam, các vấn đề môi trường ở nông thôn, ô nhiễm làng nghề, chất thải rắn sinh hoạt, các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đối với công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề, tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn, các nguyên tắc trong quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề; các vấn đề chủ chốt về môi trường nông thôn và làng nghề ở tầm vĩ mô và đưa ra các giải pháp trong công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề trong bối cảnh phát triển bền vững hiện nay. Qua học phần người học hình thành năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong công tác quản lý môi trường nông thôn và làng nghề; có năng lực quan sát và phân tích các vấn đề môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường dựa trên điều kiện thực tiễn địa phương và tuân thủ theo nguyên tắc quản lý và công cụ quản lý.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ các nội dung cơ bản về: hiện trạng nông thôn Việt Nam, các vấn đề môi trường ở nông thôn, ô nhiễm làng nghề, chất</p> | <p>* Tài liệu bắt buộc</p> <p>(1) Hồ Thị Lam Trà, Lương Đức Anh, Cao Trường Sơn (2012). <i>Giáo trình Quản lý môi trường. Nhà xuất bản Đại học nông nghiệp Hà Nội</i></p> <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>(1) Viện Môi trường Nông nghiệp, Bộ NN&PTNT: <i>Báo cáo Tổng kết nhiệm vụ Lập báo cáo công tác BVMT ngành Nông nghiệp năm 2021.</i></p> <p>(2) Đặng Kim Chi (chủ biên) (2014), <i>Làng nghề Việt Nam và vấn đề môi trường, Phần 3, NXB Khoa học và Kỹ thuật.</i></p> |

| | | | | |
|----|--------|--|--|--|
| | | | <p>thải rắn sinh hoạt, các chính sách và văn bản quy phạm pháp luật liên quan đối với công tác quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề, tác động của ô nhiễm môi trường nông thôn,..</p> <p>+ CLO2: Phân tích được các vấn đề môi trường chủ chốt; kỹ năng sử dụng các công cụ áp dụng cho quản lý + Đề xuất thiết kế, xây dựng và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong công tác quản lý môi trường nông thôn và làng nghề cho từng địa phương cụ thể.</p> <p>+ CLO3: Nhận thức tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường cho người dân, ngăn chặn, xử lý những hành vi gây suy thoái, ô nhiễm môi trường tại nông thôn và làng nghề.</p> | |
| 30 | 125354 | Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Khái niệm đô thị, KCN; lịch sử phát triển của các đô thị, KCN; các vấn đề môi trường của đô thị, KCN; các tiêu chí đánh giá chất lượng môi trường đô thị, KCN; các loại hình ô nhiễm đô thị, KCN; quản lý môi trường đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu; ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp; khu dân cư thân thiện môi trường, KCN thân thiện môi trường; Nhân sinh thái; mô hình quản lý môi trường dựa vào cộng đồng; mô hình sản xuất tiêu thụ công nghiệp theo hướng sinh thái.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đô thị, KCN; các vấn đề môi trường của đô thị, KCN; các tiêu chí đánh giá chất lượng môi trường đô thị, KCN; các loại hình ô nhiễm đô thị, KCN; quản lý môi trường đô thị trong điều kiện biến đổi khí hậu; ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp; khu dân cư thân thiện môi trường, KCN thân thiện môi trường; Nhân sinh thái và các mô hình quản lý môi trường.</p> <p>+ CLO2: Người học có kỹ năng đánh giá chất lượng môi trường, kỹ năng quan trắc và phân tích môi trường, kỹ năng quản lý môi trường tại đô thị và KCN nói riêng, tại các vùng lãnh thổ, địa phương nói</p> | <p>8.1. Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1. Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường đô thị, 2016. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM</p> <p>2. Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường công nghiệp, 2017. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM</p> <p>8.2. Tài liệu tham khảo</p> <p>1. Phạm Ngọc Đăng, Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp, 2011. NXB Xây dựng.</p> |

| | | | | |
|----|--------|--|---|--|
| | | | <p>chung.</p> <p>+ CLO3: Kỹ năng lập báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án phát triển kinh tế, từ đó đề ra được những giải pháp, kiến nghị trong quản lý môi trường, phát triển bền vững.</p> <p>+ CLO4: Kỹ năng hợp tác làm việc trong các dự án về môi trường của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế. Những kỹ năng này đặc biệt phù hợp với sinh viên chuyên ngành Địa lý học và đại học quản lý Tài nguyên môi trường.</p> <p>+ CLO5: Sinh viên có nhận thức đúng về quản lý môi trường đô thị và KCN. Có thái độ cầu thị, ham học hỏi, có ý thức trách nhiệm đối với môi trường ; ý thức bảo vệ môi trường đô thị và KCN trong quá trình phát triển kinh tế.</p> <p>+ CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến môi trường đô thị và KCN.</p> | |
| 31 | 125276 | Kinh tế tài nguyên và môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần kinh tế môi tài nguyên và môi trường trang bị các kiến thức về khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường trong đó đề cập đến việc quản lý môi trường thông qua các biện pháp kinh tế, các biện pháp giảm nhẹ ô nhiễm, các giải pháp lựa chọn để tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp và giảm nhẹ gánh nặng khắc phục môi trường cho nhà nước; Cơ sở tính thuế, khả năng áp dụng việc tính thuế và việc tính phí môi trường đối với một số chất gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về các công kinh tế sử dụng</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Hoàng Xuân Cơ (2006), <i>Kinh tế môi trường</i> NXB Giáo Dục Việt Nam.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lưu Đức Hải, (2009) <i>Cẩm nang quản lý môi trường</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2) Phạm Văn Nhật (chủ biên), 2013, <i>Giáo trình kinh tế môi trường</i>, NXB Tài chính.</p> |

| | | | | |
|----|--------|--|--|--|
| | | | <p>trong quản lý môi trường như thuế môi trường, phí môi trường, cota ô nhiễm...</p> <p>+ CLO2: Xây dựng được những giải pháp hiệu quả để tối thiểu chi phí trong khắc phục ô nhiễm của toàn xã trong một công ty gây ô nhiễm cụ thể</p> <p>+ CLO3: Đánh giá tính khả thi trong áp dụng việc tính thuế và việc tính phí môi trường đối với một số chất gây ô nhiễm môi trường không khí, môi trường nước ở Việt Nam.</p> <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường đất nước.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> | |
| 32 | 125236 | Thanh tra tài nguyên và Môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần: những quy định chung của hoạt động thanh tra, nội dung cơ bản của thanh tra tài nguyên và môi trường; các vấn đề của hoạt động thanh tra ở một số lĩnh vực như đất đai, tài nguyên nước, khoáng sản, bảo vệ môi trường và một số biểu mẫu sử dụng trong công tác thanh tra tài nguyên và môi trường. Qua đó, người học có thể hiểu, vận dụng được những kiến thức liên quan đến hoạt động thanh tra tài nguyên và môi trường; nhận thức đúng đắn các vấn đề còn tồn tại trong công tác thanh tra tài nguyên môi trường; thực hành và sử dụng đúng các biểu mẫu liên quan</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học có kiến thức cơ bản về thanh tra tài nguyên và môi trường như các khái niệm thanh tra, thanh tra tài nguyên môi trường, các nội dung thanh tra, các tổ chức, nguyên tắc, hình thức, phương thức thanh tra; nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra Tài nguyên và Môi trường; một số vấn đề cụ thể như giải quyết tranh</p> | <p>* Tài liệu bắt buộc</p> <p>(1) Luật Bảo vệ Môi trường 2020</p> <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>(1) Luật Thanh tra 2010, 2020.</p> <p>(2) Nghị định Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tài nguyên và Môi trường của Chính phủ, Số: 35/2009/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2009</p> |

| | | | | |
|----|--------|------------------------------------|--|--|
| | | | <p>chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai,....</p> <p>+ CLO2: Người học có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu các tài liệu, VBPL có liên quan; nhận diện được các VPHC, có thể tham vấn, tư vấn cho người dân trong những tình huống đơn giản.</p> <p>+ CLO3: Người học có kỹ năng giải thích, thuyết trình, đàm phán thông qua việc tham gia vào công tác thanh tra TNMT như giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; hòa giải đất đai; thông thạo kỹ năng viết một số biểu mẫu trong lĩnh vực thanh tra TNMT.</p> <p>+ CLO4: Người học thái độ đúng đắn về vai trò, ý nghĩa của công tác thanh tra TNMT; có ý thức chấp hành pháp luật; luôn tích cực chủ động trong việc phát hiện, xử lý VPHC trong lĩnh vực TNMT.</p> | |
| 33 | 125192 | Đánh giá tác động môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Khái niệm đánh giá tác động môi trường, các hình thức đánh giá tác động môi trường; nội dung, trình tự thực hiện, cấu trúc báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM, ĐMC; Các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường; Đánh giá các tác động môi trường nước, đất, không khí, tài nguyên sinh vật, xã hội và rủi ro.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược và bản cam kết bảo vệ môi trường...phân biệt các đối tượng phải lập các báo cáo đánh giá tác động môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược và bản cam kết bảo vệ môi trường. Từ đó vận dụng vào trong thực tiễn công việc.</p> <p>+ CLO2: Ứng dụng hiệu quả các phương pháp sử dụng trong đánh giá tác động môi trường vào việc đánh giá một dự án cụ thể cũng như thực hiện các nghiên cứu khoa học khác.</p> <p>+ CLO3: Lập kế hoạch, đề cương, viết báo cáo bản cam kết BVMT, ĐTM một dự án cụ thể, đánh giá môi trường chiến lược.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Phạm Ngọc Hồ, Hoàng Xuân Cơ (2010), <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Quốc gia Hà Nội, 2001.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Đình Mạnh (2008), <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Nông nghiệp</p> |

| | | | | |
|----|--------|----------------------------|---|---|
| | | | <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội của đất nước.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> | |
| 34 | 125050 | Quy hoạch môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường (QHMT), nội dung QHMT, phương pháp đánh giá trong QHMT, QH phòng ngừa ô nhiễm môi trường, QHMT khu vực,...; phân tích các vấn đề môi trường chủ chốt; các công cụ, các phương pháp đánh giá áp dụng cho QHMT. Từ đó, người học có thái độ đúng đắn trong việc tham gia QHMT ở các phạm vi quy mô khác nhau. Học phần hình thành cho người học năng lực tư duy và phán đoán các tình huống trong công tác QHMT; năng lực quan sát và phân tích các vấn đề môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường dựa trên điều kiện thực tiễn địa phương và tuân thủ theo nguyên tắc QHMT và đảm bảo quy trình QHMT phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương ở từng giai đoạn cụ thể.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được những khái niệm cơ bản về QHMT, đặc điểm, nguyên tắc, quy trình QHMT, cơ sở pháp lý và vị trí của QHMT.</p> <p>+ CLO2: Hiểu rõ, phân tích và vận dụng được các nội dung QHMT như điều tra, đánh giá điều kiện môi trường, đánh giá tác động môi trường, đánh giá phương án, thiết kế và quản lý QHMT.</p> <p>+ CLO3: Nhận biết các vấn đề pháp lý, mục tiêu sinh thái, các khu vực nhạy cảm môi trường, đa dạng sinh học,... trong quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch bảo vệ tài nguyên môi trường trên thế giới và Việt Nam.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc: [1]. Vũ Quyết Thắng (2007), <i>Quy hoạch môi trường</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội</p> <p>* Tài liệu tham khảo [2]. <i>Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam 2020</i> [3]. <i>Luật đất đai 2023</i></p> |

| | | | | |
|----|--------|---|---|---|
| | | | <p>+ CLO4: Hiểu và phân tích được các vấn đề liên quan đến quy hoạch phòng ngừa ô nhiễm môi trường và quy hoạch môi trường khu vực.</p> <p>+ CLO5: Nhận thức đúng về quy trình QHMT, từ đó có thái độ đúng đắn trong việc tham gia QHMT ở các phạm vi quy mô khác nhau.</p> | |
| 35 | 125109 | Thực tế công tác quản lý tài nguyên và môi trường (2TC) | <p>- Nội dung học phần: Các kiến thức về công tác quản lý tài nguyên và môi trường. Người học đi khảo sát, nghe báo cáo thực tế tại một số điểm được lựa chọn tại một số tỉnh miền Trung : Nghệ An, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, viết báo cáo thực địa.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ và trình bày được: vai trò, đặc điểm hoạt động của một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam...; Tóm tắt và so sánh được các lý thuyết về công tác quản lý tài nguyên và môi trường từ đó có thể vận dụng vào trong thực tiễn.</p> <p>+ CLO2: Người học hiểu và phân tích, đánh giá được hiện trạng và xu hướng phát triển một số đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, làng nghề Việt Nam; những ảnh hưởng của nó đến các vấn đề tài nguyên, môi trường và công tác quản lý tài nguyên môi trường tại đây.</p> <p>+ CLO3: Vẽ biểu đồ, sơ đồ; đọc atlas Địa lí; có tư duy lãnh thổ; định hướng không gian.</p> <p>+ CLO4: Có năng lực hiểu rõ những nguyên tắc của công tác quản lý tài nguyên và môi trường, có khả năng phát hiện vấn đề, đề xuất được các giải pháp cần thiết; hình thành ý thức trách nhiệm đối với công tác quản lý tài nguyên và môi trường của quê</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Phạm Ngọc Đăng, Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp, 2011. NXB Xây dựng.</p> <p>* Giáo trình tham khảo</p> <p>1) Lê Thông – Nguyễn Quý Thao (đồng chủ biên), 2012, <i>Việt Nam các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2) Lê Thanh Hải, Giáo trình Quản lý môi trường đô thị, 2016. NXB ĐH Quốc gia TP. HCM</p> |

| | | | | |
|-----|--------|---|---|---|
| | | | liên quan đến công tác quản lý tài nguyên và môi trường. | |
| 36a | 125234 | Quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần Quản lý tài nguyên khí hậu khí, trọng bao gồm những nội dung cơ bản sau: Khí quyển của Trái đất; nguồn gốc, thành phần và cấu trúc khí quyển; bức xạ Mặt trời; các quá trình biến đổi bức xạ Mặt trời trong khí quyển và trên bề mặt đất; các quá trình khí quyển; khí hậu, thời tiết và dự báo thời tiết; các yếu tố của thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, gió và độ ẩm) và sự biến thiên của chúng trong không gian, thời gian; các quy luật phân hóa khí hậu chung trên Trái đất; Biến đổi khí hậu; các đới và các kiểu khí hậu trên Trái đất; dự báo và quản lý tài nguyên khí hậu, khí tượng.</p> <p>- Năng lực đạt được: + CLO1: Làm rõ được những vấn đề chung về nguồn gốc, thành phần và cấu trúc khí quyển; bức xạ Mặt trời; các quá trình biến đổi bức xạ Mặt trời trong khí quyển và trên bề mặt đất; các yếu tố của thời tiết, khí hậu (nhiệt độ, gió và độ ẩm) và sự biến thiên của chúng trong không gian, thời gian; các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất; Nắm rõ sự biến đổi khí hậu đang diễn ra trên Trái đất. + CLO2: Có kỹ năng quan sát khí tượng (mây, gió, nhiệt độ) đưa ra các dự báo về thời tiết; Có khả năng đưa ra những giải pháp, đề xuất trong quản lý và khai thác hiệu quả tài nguyên khí hậu, phòng chống các loại thiên tai do biến đổi khí hậu mang lại. + CLO3: Vận dụng được những kiến thức về các đại lượng đặc trưng của khí hậu, khí tượng và phương pháp quan sát các đại lượng này để đưa ra những nhận định, dự báo về thời tiết; cách quan trắc và các điều kiện của dự báo thời tiết; các giải pháp phòng chống thiên tai do thời tiết, khí hậu đem lại. + CLO4: Biết vận dụng các phương pháp nghiên cứu khí hậu, khí</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mai Trọng Thông – Hoàng Xuân Cơ (2001). Giáo trình Tài nguyên khí hậu. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội. 2. Đặng Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng và nnk (2022), <i>Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa</i>, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa <p>*Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Trần Công Minh (2009). Khí tượng SYNÔP. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p> <p>[2]. Trần Tân Tiến (2002). Xử lý số liệu khí tượng và dự báo thời tiết bằng phương pháp thống kê vật lý. NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p> |

| | | | | |
|-----|--------|--|--|--|
| | | | <p>tượng, các kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống: sử dụng các dụng cụ quan trắc khí tượng, thủy văn.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến phương pháp dạy học Địa lí.</p> | |
| 36b | 125256 | <p>Ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường (3TC)</p> | <p>- Nội dung học phần: khái niệm, nguyên nhân, các quá trình phát sinh, phát triển, hậu quả, mức độ nguy hiểm đối với con người, tác hại đến môi trường của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường; ứng xử và thích ứng với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường; lồng ghép công tác quy hoạch, quyết định mang tính định hướng về chính sách quản lý môi trường, nhằm đảm bảo phát triển bền vững.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, nguyên nhân của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, các quá trình phát sinh, phát triển, hậu quả, mức độ nguy hiểm đối với con người của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, tác hại đến môi trường của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường, cách ứng xử và thích ứng với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường.</p> <p>+ CLO2: Có phương pháp trong đánh giá mức độ nhạy cảm tai biến môi trường do biến đổi khí hậu nguy hiểm như lũ lụt, hạn hán, bão tố, sóng thần,...; khai thác thông tin từ các bảng số liệu, tranh ảnh, băng từ ghi lại những biểu hiện của biến đổi khí hậu và tai biến môi trường đã diễn ra trên thế giới, Việt Nam và ở địa phương.</p> <p>+ CLO3: Có thể xây dựng được và áp dụng các biện pháp, chiến lược cụ thể trong ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường cho từng địa phương cụ thể. Đồng thời có kỹ năng đề xuất</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc: [1]. Đặng Duy Lợi - Đào Ngọc Hùng, <i>Giáo trình Biến đổi khí hậu</i>, 2014. NXB ĐHSP.</p> <p>* Tài liệu tham khảo: [1]. Nguyễn Cảnh - Nguyễn Đình Hoà, <i>Tai biến môi trường</i>, 2005. NXB ĐHQG</p> <p>[2]. Lê Văn Khoa – Trần Trung Dũng – Lưu Đức Hải – Nguyễn Văn Viết. <i>Giáo dục ứng phó với biến đổi khí hậu</i>, 2012. NXB Giáo dục Việt Nam.</p> |

| | | | | |
|----|--------|---|--|--|
| | | | <p>các giải pháp phù hợp với từng khu vực nhằm ứng phó và giảm thiểu thiệt hại do biến đổi khí hậu và tai biến môi trường gây ra nhờ nắm rõ nguyên nhân và những nhạy cảm tai biến.</p> <p>+ CLO4: Có kĩ năng hợp tác làm việc trong các dự án về biến đổi khí hậu của Chính phủ và các tổ chức phi chính phủ như dự án trồng rừng, duy trì bảo vệ hệ sinh thái, giáo dục cộng đồng và điều tra thực tế.</p> <p>+ CLO5: Đối với sinh viên các lớp sư phạm, học phần còn giúp các em có được kĩ năng tích hợp, lồng ghép giáo dục biến đổi khí hậu và tai biến môi trường trong chương trình giáo dục phổ thông thông qua rất nhiều hoạt động ở nhà trường các cấp học.</p> <p>+ CLO6: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, tôn trọng các quy luật tự nhiên; Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lí thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến các lĩnh vực địa lí tự nhiên.</p> | |
| 37 | 125233 | Ô nhiễm môi trường đất, nước và biện pháp xử lý (4TC) | <p>- Nội dung học phần: Khái niệm về ô nhiễm môi trường nước, đất; các tác nhân gây ô nhiễm môi trường nước, đất; các quá trình vi sinh vật trong đất làm tăng ô độ phì trong đất và làm giảm ô nhiễm đất; các quá trình tự làm sạch của nước mặt, nước ngầm; Các phương pháp xử lý nước ô nhiễm, đất ô nhiễm; Các quy chuẩn Việt Nam về chất lượng môi trường đất và nước, văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường đất, bảo vệ môi trường nước.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và trình bày được các vấn đề về ô nhiễm môi trường đất và nước (khí niêm, nguồn gốc, tác nhân, hậu quả và các biện pháp bảo vệ, xử lý nguồn nước).</p> <p>+ CLO2: Nắm vững các quy chuẩn Việt Nam về chất lượng nguồn đất và nước đồng thời áp dụng để xác định mức độ ô nhiễm đất và</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc [1]. Lê Văn Khoa (2010), <i>Ô nhiễm môi trường đất và biện pháp xử lý</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>* Tài liệu tham khảo [1]. Phạm Ngọc Hồ - Đồng Kim Loan – Trịnh Thị Thanh (2009), <i>Cơ sở môi trường nước</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> |

| | | | | |
|--------|--------|--|--|---|
| | | | <p>nước ở các địa điểm khác nhau; vận dụng các văn bản pháp lý để xử lý các hành vi gây ô nhiễm đất và nước.</p> <p>+ CLO3: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập; Chủ động học tập, nghiên cứu tài liệu; tích cực tham gia hoạt động nhóm; có trách nhiệm trong việc nâng cao ý thức tự học, thái độ nghiêm túc trong các hoạt động tập thể.</p> | |
| 38 | 125114 | Ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Các kiến thức về ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn; đặc điểm của môi trường không khí, sự biến đổi của chất ô nhiễm trong không khí, phương pháp đánh giá chất lượng môi trường không khí, kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về ô nhiễm không khí, ô nhiễm tiếng ồn, sự biến đổi của các chất ô nhiễm trong không khí</p> <p>+ CLO2: Lấy mẫu, phân tích ô nhiễm không khí</p> <p>+ CLO3: Đánh giá chất lượng môi trường không khí</p> <p>+ CLO4: Xây dựng được kế hoạch, dự án kiểm soát môi trường</p> <p>+ CLO5: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, bảo vệ môi trường đất nước.</p> <p>+ CLO6: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Đinh Xuân Thắng (2006), <i>Ô nhiễm không khí</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Phạm Ngọc Hồ (2009), <i>Cơ sở môi trường không khí</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> |
| 39-40a | 125099 | Bản đồ địa chính (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Những khái niệm cơ bản về bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu thành lập bản đồ địa chính, sơ lược quá trình thành lập bản đồ địa chính; cơ sở toán học thành lập bản đồ địa chính: cơ sở trắc địa, hệ thống tỷ lệ bản đồ, phép chiếu bản đồ, chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính, bố cục và khung bản đồ; nội dung và nguyên tắc thể hiện các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính: các yếu tố cơ bản</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>[1]. Nguyễn Thị Kim Hiệp, Vũ Thị Thanh Thủy, Võ Quốc Việt, Phan Đình Bình, Lê Văn Thơ (2016), <i>Giáo trình Bản đồ địa chính</i>, NXB Nông nghiệp.</p> |

| | | | |
|--|--|--|--|
| | | <p>của bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính, nguyên tắc biểu thị các yếu tố nội dung trên bản đồ địa chính, ký hiệu bản đồ địa chính, yêu cầu độ chính xác bản đồ địa chính; sử dụng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai: sử dụng bản đồ địa chính trong phòng, sử dụng bản đồ địa chính ngoài trời, tính khoảng cách từ bản đồ ra thực địa, chuyển khoảng cách từ thực địa lên bản đồ, tính diện tích thửa đất trên bản đồ địa chính; chỉnh lý bản đồ địa chính: mục đích, yêu cầu của chỉnh lý bản đồ địa chính, các phương pháp chỉnh lý biến động đất đai.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Trình bày được các khái niệm về bản đồ, cơ sở toán học bản đồ, hệ thống tọa độ và các phép chiếu bản đồ, nội dung nguyên tắc phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính. Tính toán và chuyển đổi được các số liệu đo vẽ ngoài thực địa lên trên bản đồ. Nắm vững các nguyên tắc chỉnh lý biến động, cập nhật dữ liệu lên trên bản đồ địa chính;</p> <p>+ CLO2: Vận dụng tốt các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục vụ thành lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai;</p> <p>+ CLO3: Phân biệt được sự giống và khác nhau của hệ thống các phép chiếu. Sự giống và khác nhau của phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính so với bản đồ địa hình. Nắm chắc các phương pháp tính toán diện tích. Các phương pháp thành lập bản đồ địa chính trên thế giới và của Việt nam, những quy phạm về thành lập bản đồ địa chính cho từng loại đất theo pháp luật đất đai và các văn bản pháp luận hướng dẫn hiện hành;</p> <p>+ CLO4: Thể hiện được năng lực học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành. Có năng lực</p> | <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Nguyễn Thanh Trà (1999), Giáo trình Bản đồ địa chính, NXB Nông nghiệp, Hà Nội.</p> <p>[2]. Luật đất đai (2013), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> |
|--|--|--|--|

| | | | | |
|--------|--------|--|---|--|
| | | | chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây dựng các loại bản đồ chuyên ngành. | |
| 39-40b | 162101 | Trắc địa (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Kiến thức cơ bản về trắc địa; Kiến thức cơ bản về máy kinh vĩ, máy và mia thủy chuẩn; Các dạng đo cơ bản; Thiết kế đo đạc bình sai đường chuyền kinh vĩ; đo vẽ chi tiết bằng phương pháp toàn đạc; Sử dụng bản đồ địa hình trong thực tế.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu được những kiến thức cơ bản về Trắc địa và tầm quan trọng của trắc địa trong quản lý đất đai và quản lý tài nguyên môi trường, khái niệm về sai số trong trắc địa;</p> <p>+ CLO2: Hiểu được các nguyên lý và phương pháp đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao;</p> <p>+ CLO3: Đo vẽ, phân tích, tính toán, xử lý số liệu để thành lập bản đồ, bình đồ, mặt cắt;</p> <p>+ CLO4: Đọc hiểu và sử dụng được các bản đồ địa hình trong công tác quản lý đất đai, quản lý tài nguyên môi trường.</p> <p>+ CLO5: Sử dụng được máy đo hiện đại như máy toàn đạc điện tử, máy thủy chuẩn trong việc thiết lập bản vẽ địa hình;</p> <p>+ CLO6: Rèn luyện tác phong làm việc khoa học, chính xác, có ý thức tổ chức và kỷ luật, tính cẩn thận và kiên nhẫn; thực hiện đúng tiêu chuẩn, quy định trong việc thiết lập bản vẽ, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn liên quan đến trắc địa.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>[1] Hoàng Xuân Thành (Chủ biên) (2008), <i>Trắc địa đại cương</i>, NXB Xây dựng Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>[2] Phạm Văn Chuyên - <i>Trắc địa</i>. Nhà xuất bản Xây dựng, 2006.</p> |
| 39-40c | 125107 | Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần gồm: những khái niệm cơ bản về bản đồ số, đặc điểm của bản đồ số, khái quát sự ra đời và phát triển của bản đồ số, cơ sở dữ liệu bản đồ số, các chuẩn về bản đồ số; Quy trình thành lập bản đồ số: thu thập và số hoá dữ liệu, xử lý dữ liệu,</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc</p> <p>[1]. Trần Quốc Vinh và cộng sự - <i>Giáo trình Tin học ứng dụng vẽ bản đồ</i>, NXB Đại học Nông</p> |

| | | | | |
|----|--------|--|--|--|
| | | | <p>biểu thị dữ liệu, lưu trữ dữ liệu; Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất bằng phần mềm MicroStation; Xây dựng bản đồ địa chính bằng phần mềm Famis.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên môn về thực hiện các nhiệm vụ kỹ thuật phục lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đai;</p> <p>+ CLO2: Tổng hợp được các kiến thức chuyên môn nhằm ứng dụng phần mềm tin học trong công tác xây dựng bản đồ số, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai. Ứng dụng tin học trong việc cập nhật, chỉnh lý biến động đất đai;</p> <p>+ CLO3: Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành, phục vụ xử lý số liệu để xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa hình, bản đồ địa chính, bản đồ quy hoạch sử dụng đất và các bản đồ chuyên đề khác. Có khả năng phân tích, tổng hợp, xử lý số liệu điều tra phục vụ cho công tác thành lập, cập nhật và chỉnh lý bản đồ;</p> <p>+ CLO4: Có khả năng học tập, phân tích, tổng hợp dữ liệu từ công tác điều tra nội nghiệp và ngoại nghiệp phục vụ cho việc xây dựng dựng các loại bản đồ chuyên ngành;</p> <p>+ CLO5: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ ngành Quản lý đất đai; có khả năng tham mưu cho lãnh đạo, tư vấn, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai; có năng lực, làm việc độc lập, tham mưu, tư vấn, chủ trì hoặc tham gia xây các loại bản đồ chuyên ngành.</p> | <p>ng nghiệp Hà Nội, 2016</p> <p>* Tài liệu tham khảo</p> <p>[1]. Bộ Tài nguyên và Môi trường - <i>Hướng dẫn sử dụng các phần mềm Famis - MicroStation - IrasB - Geovec - MRFClean - MRFFlag</i>, 2007.</p> <p>[2]. Tổng cục Địa chính - <i>Hướng dẫn sử dụng MicroStation trong việc thành lập bản đồ địa chính</i>, 2007.</p> |
| 41 | 125158 | Xây dựng các bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên môi | <p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về về: Khái niệm, đặc điểm bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường; quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về tài</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>[1]. Lê Huỳnh, Lê Ngọc Nam (2001), Bản đồ chuyên đề, NXB</p> |

| | | | | |
|--------|--------|------------------------------------|--|---|
| | | trường (3TC) | <p>nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học nắm vững các kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đặc điểm bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường; quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai; biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>+ CLO2: Người học biết tổ chức, lập quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu và biên tập, xây dựng được bản đồ chuyên đề về tài nguyên và môi trường: đất, nước, không khí, sinh vật,.. phục vụ cho việc quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>+ CLO3: Sinh viên có các hành vi thiết thực trong vấn đề nghiên cứu chuyên ngành, có hành động thiết thực trong học tập và trong công tác nhằm giải quyết các vấn đề liên quan chuyên ngành quản lý tài nguyên và môi trường.</p> | <p>Giáo dục</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>[1]. Trung tâm GIS, Giáo trình hệ thống thông tin địa lý, (2004) ĐH Bách khoa TP HCM</p> <p>[2]. Trần tấn Lộc - Lê Tiến Thuận (2004), Bản đồ chuyên đề, NXB ĐHQG TPHCM</p> |
| 42-43a | 125045 | Hệ thống thông tin địa lý (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS, những cách thức tiếp cận và ứng dụng của GIS vào quá trình sản xuất, quản lý xã hội, điều tra và quản lý tài nguyên, môi trường, nghiên cứu khoa học, giáo dục và nhiều lĩnh vực khác. Học phần cũng giới thiệu phần mềm ứng dụng GIS là Mapinfo, với các kỹ thuật ứng dụng gắn với ngành nghề đào tạo.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học nắm vững những khái niệm cơ bản về GIS: GIS là gì?, các thành phần của GIS, cơ sở dữ liệu, đặc điểm của GIS, những phần mềm GIS; lịch sử hình thành và phát triển của GIS trên thế giới; những ứng dụng của GIS trong mọi lĩnh vực: quản lý và</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Phạm Thị Xuân – Nguyễn Xuân Bắc: <i>Lý thuyết và thực hành Mapinfo Professional version 10.5</i>, Nhà xuất bản ĐHSP TP Hồ Chí Minh, năm 2021</p> <p>Nguyễn Viết Thịnh: GIS –Map (<i>Tập bài giảng</i>) 1997 – 2000). ĐHSP- Đại học Quốc gia Hà Nội, 1997.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Lê Thị Giang, (2015), Giáo</p> |

| | | | | |
|--------|--------|---------------------------|--|---|
| | | | <p>bảo vệ tài nguyên môi trường, hoạt động chính phủ, nghiên cứu khoa học; những kiến thức cơ bản về phần mềm MAP, các bước cài đặt, tổ chức cơ sở dữ liệu của MAP, biên tập và xây dựng các bản đồ chuyên đề và những ứng dụng hiển thị khác của Map;</p> <p>+ CLO2: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của <i>Geography Infomation System- GIS</i> và những phần mềm MAPINFO, những cách thức hiển thị bản đồ đáp ứng những yêu cầu của ngành học;</p> <p>+ CLO3: Xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ, khả năng cập nhật và làm mới cơ sở dữ liệu và những kỹ năng hiển thị các đối tượng địa lý trên bản đồ.</p> <p>+ CLO4: Rèn luyện sự năng động cần thiết của một nhà địa lý để thích ứng với công nghệ tin học; những kỹ năng ứng dụng GIS-MAP nhằm mục đích đưa khoa học tương thích với thời đại kỹ thuật số.</p> <p>+ CLO5: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế 46hoạch trong lĩnh vực GIS.</p> | <p>trình Thực hành Hệ thống thông tin địa lý GIS, NXB ĐH Nông nghiệp.</p> <p>2) Phạm Trọng Mạnh, Phạm Vọng Thành. 1999. <i>Cơ sở hệ thống thông tin địa lý</i>. Trường Đại Học Kiến Trúc Hà Nội. Nhà Xuất Bản Xây Dựng. Hà Nội. 169 trang</p> |
| 42-43b | 125024 | Công nghệ viễn thám (3TC) | <p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và thiết yếu nhất về Viễn thám như: lịch sử phát triển của khoa học Viễn thám trên thế giới; nguyên lý cơ bản của viễn thám; cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận và phân tích tư liệu viễn thám. Các khái niệm chung về ảnh hàng không; nguyên lý chụp ảnh hàng không; các phương pháp giải đoán ảnh viễn thám. Từ đó có những hành động cụ thể nhằm tăng cường, nâng cao khả năng ứng dụng các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể của ngành Địa chính.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>[1] Nguyễn Ngọc Thạch (2005), Cơ sở viễn thám, Nxb Đại học Khoa học tự nhiên (Đại học Quốc gia).</p> <p>[2] Nguyễn Quang Tuấn (2003), Hướng dẫn sử dụng phần mềm xử lý tư liệu viễn thám, NXB Khoa học và Kỹ thuật</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>[3] Nguyễn Ngọc Thạch (1997),</p> |

| | | | | |
|--------|--------|----------------------------|---|---|
| | | | <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học nắm vững lịch sử phát triển của khoa học viễn thám trên thế giới. Nguyên lý cơ bản của viễn thám, cơ sở vật lý của viễn thám cũng như cách thu nhận và phân tích tư liệu này.</p> <p>+ CLO2: Nắm được đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như bức xạ điện từ, năng lượng bức xạ mặt trời, sự biến đổi năng lượng bức xạ mặt trời trong môi trường khí quyển, đặc biệt phải nắm được đặc trưng phản xạ phổ của các đối tượng tự nhiên như đất, nước, thảm thực vật,....</p> <p>+ CLO3: Người học nắm khái niệm cơ bản về giải đoán ảnh viễn thám, cơ sở, phương pháp và kỹ năng giải đoán ảnh viễn thám; Nắm được cách thức sử dụng ảnh viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường nói chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng.</p> <p>+ CLO4: Người học có kỹ năng thực hành với phần mềm giải đoán hình ảnh ENVI 4.7, Kỹ năng thực hành tiền xử lý và tách chiết thông tin trên ảnh bằng phần mềm xử lý ảnh.</p> <p>+ CLO5: Người học nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của các tư liệu viễn thám đối với quản lý tài nguyên môi trường nói chung, phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai nói riêng, từ đó có những hành động cụ thể nhằm tăng cường, nâng cao khả năng ứng dụng các tư liệu viễn thám vào giải quyết các công việc cụ thể của ngành Địa chính.</p> | <p>Viễn thám trong nghiên cứu tài nguyên môi trường, NXB Khoa học và kỹ thuật;</p> <p>[4] Phạm Vọng Thành (2009), Ứng dụng viễn thám và hệ thống tin địa lý trong công tác thành lập, hiện chỉnh bản đồ, Đại học Mở địa chất;</p> |
| 42-43c | 125005 | Bản đồ học đại cương (3TC) | <p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về: các khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý; cơ sở toán học của bản đồ; ngôn ngữ bản đồ; tổng quát hoá bản đồ; phân loại bản đồ; quy trình thành lập bản đồ; sử dụng bản đồ trong nghiên cứu và dạy học.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1. Lâm Quang Dốc (1995), Bản đồ học, NXB ĐHSP Hà Nội.</p> <p>2. K.A. Xalisep. Bản đồ học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.</p> |

| | | | | |
|--------|--------|--|---|---|
| | | | <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học nắm vững hệ thống khái niệm bản đồ học, bản đồ địa lý và các yếu tố của bản đồ, những đặc điểm về cơ sở toán học, ngôn ngữ bản đồ, tổng quát hoá bản đồ, phân loại bản đồ và quy trình thành lập bản đồ và cách sử dụng bản đồ.</p> <p>+ CLO2: Kỹ năng về nhận biết các phép chiếu hình bản đồ; biết rõ quy luật chia mảnh và đánh số hiệu đối với bản đồ tỷ lệ lớn; các phương pháp biểu hiện bản đồ; phương pháp so sánh, phân tích và tổng hợp... bản đồ địa lý; biết sử dụng ngôn ngữ bản đồ trong thành lập và sử dụng bản đồ. Mỗi nhóm sinh viên thực hiện biên tập một bản đồ địa lý.</p> <p>+ CLO3: Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề bản đồ.</p> <p>+ CLO4: Có khả năng tự định hướng nghiên cứu, có trách nhiệm với việc học tập và nghiên cứu của bản thân. Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực địa lý.</p> | <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>3. Phạm Ngọc Đình (Chủ biên), Hoàng Xuân Linh, Đỗ Thị Minh Tính,. Thực hành bản đồ và đo vẽ địa phương. NXB Trường ĐHSP Hà Nội 1, 1995.</p> <p>4. Át lát địa lý Việt Nam, Nhà xuất bản Giáo dục năm 2018.</p> |
| 42-43d | 125237 | Xây dựng các loại biểu đồ và phân tích số liệu thống kê Địa lí, môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần: Những kiến thức cơ bản, nền tảng của môn học về: cách xây dựng các loại biểu đồ phù hợp với nội dung yêu cầu; cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí và môi trường. Sau khi học xong, người học có thể vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí, Môi trường một cách khoa học và tối ưu.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu và có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về vẽ 10 dạng biểu đồ; về phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần Địa lí, môi trường. SV biết cách xây dựng các loại</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Nguyễn Viết Thịnh (chủ biên), (2010), Windows MS Office Internet dùng trong giảng dạy và nghiên cứu Địa lí, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội, 240 trang.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Trọng Phúc (1997), Phương tiện thiết bị kỹ thuật trong dạy học Địa lí, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>2) Lê Huỳnh (2001), Bản đồ học</p> |

| | | | |
|--|--|---|------------------------------|
| | | <p>biểu đồ, bản đồ phù hợp với nội dung yêu cầu và cách phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí, môi trường.</p> <p>+ CLO2: Vận dụng những kiến thức, phương pháp, phương tiện, để rèn luyện kỹ năng xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê Địa lí, môi trường một cách khoa học và tối ưu để thiết kế bài giảng có nội dung Địa lí, môi trường trong chương trình phổ thông.</p> <p>+ CLO3: Thành thạo những kỹ năng cần thiết về xây dựng biểu đồ và phân tích số liệu thống kê khi nghiên cứu và học tập các học phần địa lí, môi trường. SV có kỹ năng tự tìm kiếm và lựa chọn những vấn đề nghiên cứu và vận dụng linh hoạt hướng tiếp cận giảng dạy Địa lí từ đặc trưng chuyên ngành. Kỹ năng trình bày, viết báo cáo, thuyết trình; phản biện các vấn đề kinh tế xã hội ... Hoàn thiện kỹ năng thiết kế và sử dụng phương tiện dạy học khi soạn giáo án cho việc dạy học địa lý ở THCS và THPT.</p> <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần tôn trọng các quy luật tự nhiên, có quan điểm duy vật biện chứng và tư duy kinh tế; SV quan tâm tích cực tới việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của bản thân trong xây dựng biểu đồ, bản đồ và phân tích bảng số liệu thống kê; từ đó hình thành thế giới quan khoa học, nhận thức đúng bản chất các mối quan hệ giữa sự phát triển sản xuất với tài nguyên – môi trường;</p> <p>+ CLO5: Có ý thức kỉ luật, nghiêm túc, luôn bình tĩnh, tự tin, chủ động học tập; độc lập trong tự học, tự nghiên cứu và năng lực vận dụng kiến thức đã học. Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực địa lí, môi trường.</p> | <p>chuyên đề, NXB GD HN.</p> |
|--|--|---|------------------------------|

| | | | | |
|----|--------|----------------------------|---|--|
| 45 | 123190 | Thực tập tốt nghiệp (5TC) | <p>- Nội dung học phần: Sinh viên trực tiếp làm việc tại các cơ quan quản lý môi trường các cấp, các đơn vị thu gom và xử lý chất thải hay các doanh nghiệp sản xuất có phòng chức năng quản lý môi trường. Sinh viên thực tập được tìm hiểu các hoạt động chuyên môn của các cơ sở đến làm việc.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Người học nắm vững và vận dụng các kiến thức chung và kiến thức chuyên môn liên quan đến chuyên đề thực tập, vận dụng vào xử lý các vấn đề ở cơ sở làm việc.</p> <p>+ CLO2: Sử dụng thành thạo các trang thiết bị, máy móc và công nghệ phục vụ các vấn đề chuyên môn tại cơ sở làm việc.</p> <p>+ CLO3: Ứng dụng các công cụ kinh tế- kỹ thuật, công cụ pháp luật, công cụ quy hoạch trong quản lý TNTN và bảo vệ môi trường.</p> <p>+ CLO4: Có kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian thực tập, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Chấp hành nội quy giai đoạn thực tập, năng lực chịu trách nhiệm trước hành vi của mình.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc [1]. Lưu Đức Hải, <i>Cẩm nang quản lý môi trường</i>, NXB Giáo dục, 2009</p> <p>* Tài liệu tham khảo [1]. Luật bảo vệ môi trường năm 2020 [2]. Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thanh Hóa (2021), <i>Báo cáo Hiện trạng môi trường tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 – 2020</i>.</p> |
| 45 | 153130 | Khóa luận tốt nghiệp (6TC) | <p>- Nội dung học phần: Khóa luận tốt nghiệp là công trình nghiên cứu độc lập của sinh viên, giúp đánh giá kiến thức, năng lực của sinh viên đã tích lũy trong suốt thời gian học tập.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để phát hiện, thiết lập vấn đề nghiên cứu. Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường.</p> <p>+ CLO2: Sinh viên có khả năng vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học để thực hiện được một đề tài nghiên cứu cụ thể trong lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường. Sinh viên có kỹ năng sử</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc: 1) Vũ Cao Đàm(2012), <i>Giáo trình Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb Giáo dục</p> <p>* Tài liệu tham khảo: 1). Phạm Việt Vượng(2002), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, Nxb ĐHQGHN.</p> |

| | | | | |
|--------|--------|-------------------------------------|--|--|
| | | | <p>dụng thành thạo các trang thiết bị, máy móc và công nghệ phục vụ các vấn đề nghiên cứu.</p> <p>+ CLO3: Có thái độ học tập tích cực, phát huy được khả năng tư duy sáng tạo, độc lập. Sinh viên có thể tự chủ trong thực hiện các nghiên cứu.</p> | |
| 45-46a | 125118 | Hạch toán môi trường | <p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần hạch toán môi trường trang bị các kiến thức về khái niệm hạch toán tài nguyên, mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường, các đại lượng đo lường sự tăng trưởng kinh tế ... các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, ưu và nhược điểm của hệ thống hạch toán tài nguyên môi trường, các phương pháp sử dụng trong hạch toán tài nguyên môi trường.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các chỉ tiêu đánh giá tăng trưởng kinh tế, ưu và nhược điểm của hệ thống hạch toán tài nguyên môi trường.</p> <p>+ CLO2: Phân tích được nguyên nhân làm cho tài nguyên cạn kiệt, môi trường suy thoái và hậu quả của nó.</p> <p>+ CLO3: Đánh giá được tầm quan trọng về mặt kinh tế của sự suy thoái môi trường</p> <p>+ CLO4: Ứng dụng được các phương pháp hạch toán tài nguyên môi trường.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tài nguyên và môi trường.</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Võ Đình Long, Kiểm toán môi trường, NXB Đại học Công nghiệp Hồ Chí Minh, 2013.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Nguyễn Chí Quang (2002), Cơ sở hạch toán môi trường doanh nghiệp, NXB Khoa học và kỹ thuật</p> <p>2) Hoàng Xuân Cơ (2006), Kinh tế môi trường NXB Giáo Dục Việt Nam.</p> |
| 45-46b | 125140 | Quản lý môi trường địa phương (3TC) | <p>- Nội dung học phần:khái niệm quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường.; Các tiêu chuẩn môi trường và các quy định trong bảo vệ môi trường, các quy định luật pháp hiện hành về bảo vệ môi</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Lưu Đức Hải, <i>Cẩm nang quản lý môi trường</i>, NXB Giáo dục,</p> |

| | | | | |
|--------|--------|-------------------------------------|---|---|
| | | | <p>trường như Việt Nam.; Các công cụ kỹ thuật, kinh tế trong quản lý môi trường: Đánh giá tác động môi trường, quy hoạch môi trường, quỹ môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường, phí môi trường, thuế môi trường...; Hiện trạng các thành phần môi trường của tỉnh Thanh Hoá như hiện trạng môi trường nước, hiện trạng môi trường đất, hiện trạng môi trường không khí, hiện trạng môi trường chất thải rắn... và các giải pháp bảo vệ môi trường tỉnh Thanh Hoá trong thời gian tới.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Làm rõ được các khái niệm về quản lý môi trường, hệ thống quản lý môi trường. Nắm bắt được các văn bản pháp pháp luật hiện hành của Việt Nam và quốc tế về quản lý môi trường</p> <p>+ CLO2: Phân tích được, đánh giá được những vấn đề về môi trường của địa phương</p> <p>+ CLO3: Xây dựng được các kế hoạch, các giải pháp bảo vệ tài nguyên và môi trường của tỉnh Thanh Hóa</p> <p>+ CLO4: Thể hiện thái độ và tinh thần gìn giữ, trân trọng các giá trị tài nguyên tự nhiên và môi trường của địa phương</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến tài nguyên và môi trường.</p> | <p>2009</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Vũ Quyết Thắng, <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.</p> <p>2) Đặng Ngọc San, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Văn Dũng và nnk (2022), <i>Đặc điểm khí hậu Thanh Hóa</i>, Đài khí tượng thủy văn tỉnh Thanh Hóa</p> |
| 45-46c | 125607 | Luật và chính sách môi trường (3TC) | <p>- Nội dung học phần:</p> <p>Học phần nội dung của học phần bao gồm các vấn đề sau: Tầm quan trọng của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường.; Lịch sử hình thành và các quá trình phát triển của công tác luật và chính sách môi trường trên thế giới; Vai trò của luật và chính sách môi trường trong công tác bảo vệ môi trường.; Bản chất</p> | <p>* Giáo trình bắt buộc:</p> <p>1) Phạm Thanh Tuấn (2016), Luật và chính sách môi trường, NXB Quốc gia Hà Nội,.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> <p>1) Luật Môi trường (2021), NXB</p> |

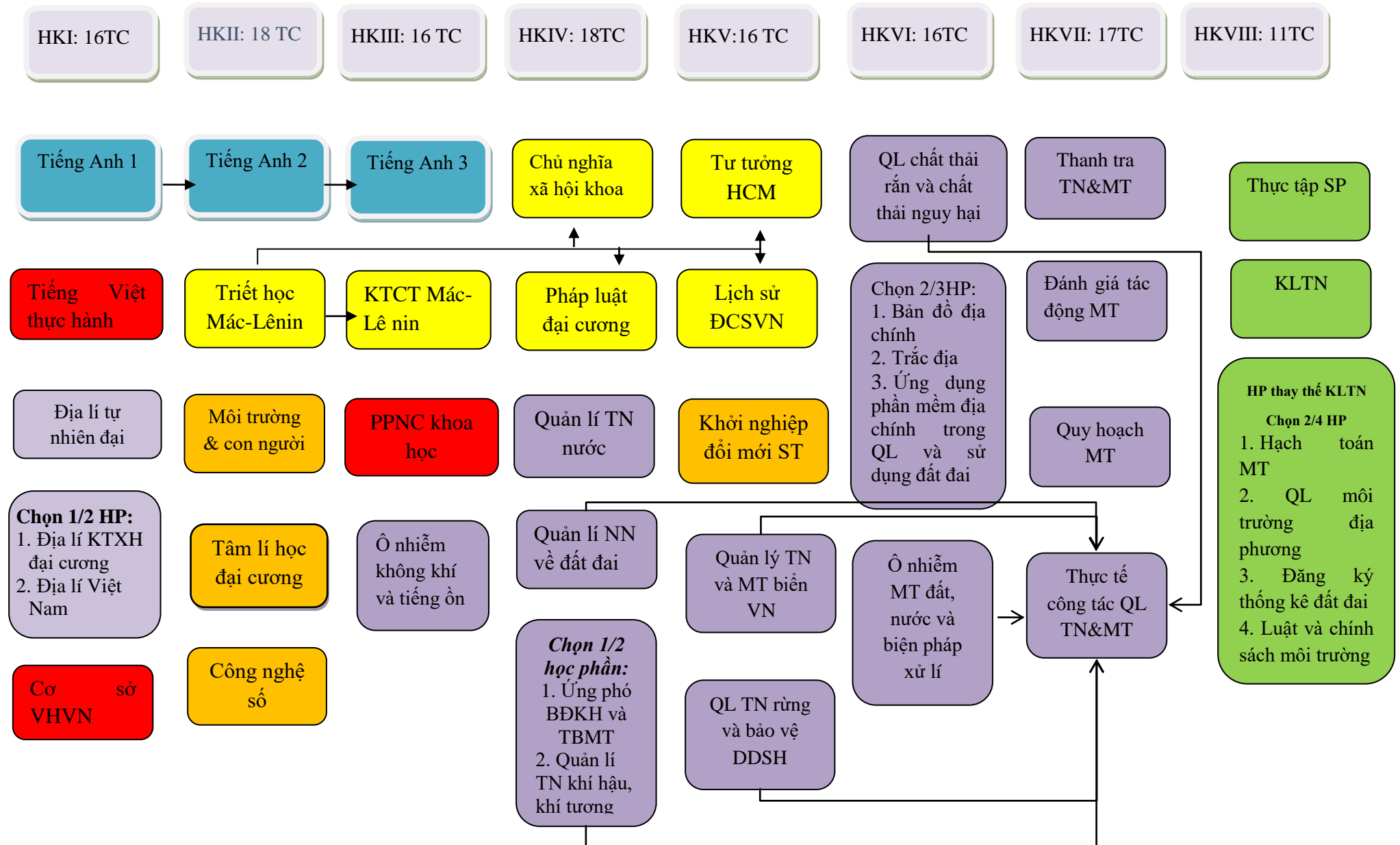
| | | | | |
|--------|--------|--------------------------------|--|--|
| | | | <p>của luật và chính sách môi trường, phân loại các chính sách môi trường:</p> <p>Kỹ năng và phương pháp xây dựng luật và chính sách môi trường.: Các đặc tính cốt lõi của môi trường cần phải quan tâm khi xây dựng luật và chính sách môi trường.</p> <p>Kỹ năng phân tích các mặt mạnh và hạn chế trong các chính sách môi trường của Việt nam và thế giới đang áp dụng.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ CLO1: Hiểu rõ được luật và chính sách môi trường của Việt Nam và thế giới đang áp dụng.</p> <p>+ CLO2: Đưa được các đặc tính cốt lõi của môi trường cần phải quan tâm khi xây dựng luật và chính sách môi trường.</p> <p>+ CLO3: Phân tích được những ưu điểm và nhược điểm trong luật và các chính sách môi trường của Việt nam và thế giới đang áp dụng.</p> <p>+ CLO4: Áp dụng được luật và các chính sách môi trường của Việt Nam đang thực thi vào quản lý môi trường ở các cơ quan nhà nước chuyên trách về môi trường cũng như tại các đơn vị sản xuất.</p> <p>+ CLO5: Có tác phong khoa học, chuyên nghiệp; tự tin trong giao tiếp, thuyết trình và khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm nhằm phân tích và xử lý thông tin, giải quyết các vấn đề khoa học có liên quan đến lĩnh vực bảo vệ môi trường.</p> | chính trị quốc gia Hà Nội |
| 45-46d | 162021 | Đăng ký thống kê đất đai (3TC) | <p>- Nội dung học phần: kiến thức chung về công tác đăng ký và tài sản gắn liền với đất; Những quy định về đăng ký và tài sản gắn liền với đất đai lần đầu; Những quy định về đăng ký biến động đất đai và tài sản gắn liền với đất và những quy định về thống kê, kiểm kê đất đai.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> | <p>*Tài liệu bắt buộc {1}. Nguyễn Thị Thu Hương (2017). <i>Bài giảng đăng ký thống kê đất đai</i>. NXB Nông nghiệp Hà Nội.</p> <p>* Tài liệu tham khảo:</p> |

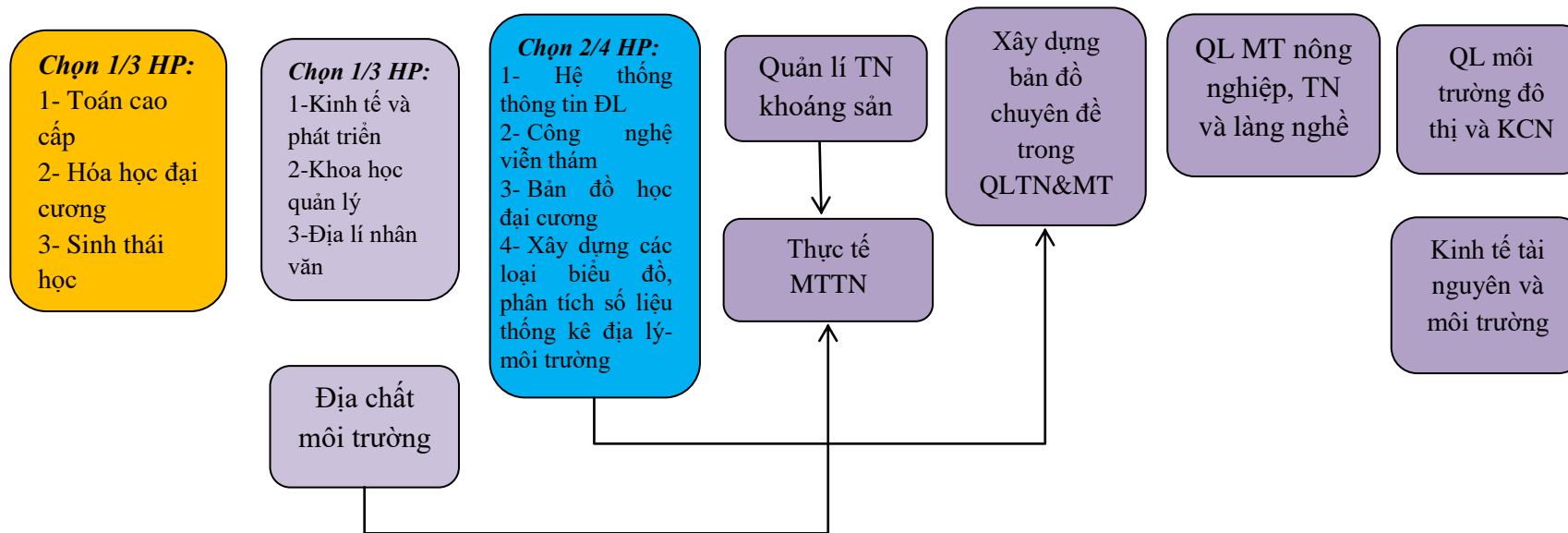
| | | | |
|--|--|---|---|
| | | <p>+ CLO1: Giải thích được các khái niệm, các vấn đề chung về công tác đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất; Các quy định chung về đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất lần đầu và đăng ký biến động đất đai;</p> <p>+ CLO2: Giải thích được trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất lần đầu và các quy định về quản lý hồ sơ địa chính;</p> <p>+ CLO3: Giải thích được trình tự, thủ tục đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất;</p> <p>+ CLO4: Trình bày được các vấn đề chung về công tác đăng ký, thống kê đất đai; Trình tự thực hiện thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;</p> <p>+ CLO5: Vận dụng các kiến thức đã học thực hiện được các thủ tục đăng ký đất đai ban đầu, cấp GCN quyền sử dụng đất; đăng ký biến động đất đai, quản lý hồ sơ địa chính. Thống kê, kiểm kê đất đai;</p> <p>+ CLO6: Thể hiện được khả năng làm việc độc lập trong việc giải quyết các tình huống đất đai; Tham gia thảo luận nhóm và thuyết trình trước đám đông.</p> | <p>[1]. Đại học Nông Lâm thành phố Hồ Chí Minh (2006). <i>Bài giảng Đăng ký thống kê đất đai</i>.</p> |
|--|--|---|---|

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

| Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | |
|--|---|--|--|
| Học kỳ 1 (16 TC) | Học kỳ 2 (18 TC) | Học kỳ 1 (16 TC) | Học kỳ 2 (18 TC) |
| 1- Tiếng Anh 1 (4TC) 2- Tiếng Việt thực hành (2TC) 3- Địa lý tự nhiên đại cương (3TC) 4- Địa lí KT-XH đại cương (3TC) 5- Cơ sở văn hóa VN (2TC) 6- Sinh thái học (2TC) | 1- Triết học Mác-Lênin (3TC) 2- Công nghệ số (3TC) 3- Tiếng Anh 2 (3TC) 4- Tâm lý học đại cương (2TC) 5- Kinh tế và PT (2TC) 6- Môi trường và con người (2TC) 7- Địa chất môi trường (3TC) | 1- Kinh tế chính trị MLN (2TC) 2- Phương pháp NCKH (2TC) 3- Tiếng Anh 3 (3TC) 4- Ô nhiễm MT không khí và tiếng ồn (3TC) 5- Hệ thống thông tin địa lí (3TC) 6- Xây dựng các loại biểu đồ, phân tích số liệu thống kê địa lý-môi trường (3TC) | 1- Chủ nghĩa xã hội khoa học (2TC) 2- Pháp luật đại cương (2TC) 3- Thực tế MTTN (2TC) 4- Quản lý tài nguyên nước (3TC) 5- Quản lý TN khoáng sản (3TC) 6- Ứng phó với BĐKH và TBMT (3TC) 7- Quản lý nhà nước về đất đai (3TC) |
| Năm thứ ba | | Năm thứ tư | |
| Học kỳ 1 (16 TC) | Học kỳ 2 (16 TC) | Học kỳ 1 (17 TC) | Học kỳ 2 (11 TC) |
| 1- Lịch sử ĐCSVN (2TC) 2- Tư tưởng HCM (2TC) 3- Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (3TC) 4- Quản lí TN và MT biển Việt Nam (3TC) 5- Quản lý tài nguyên rừng và BV đa dạng sinh học (3TC) 6- Xây dựng bản đồ chuyên đề trong QLTN&MT (3TC) | 1- Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại (3TC) 2- Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai (3TC) 3- Trắc địa (3TC) 4- Ô nhiễm MT đất, nước và biện pháp xử lí (4TC) 5- Quản lý môi trường nông nghiệp, nông thôn và làng nghề (3TC) | 1- Thanh tra TNMT (3TC) 2- Đánh giá tác động môi trường (3TC) 3- Thực tế công tác QLTN&MT (2TC) 4- Quy hoạch môi trường (3TC) 5- Quản lý môi trường đô thị và khu CN (3TC) 6- Kinh tế tài nguyên và môi trường (3TC) | 1- Thực tập TN (5TC) 2- KLTN/ HP thay thế KLTN (6 TC) - Quản lý môi trường địa phương (3TC) - Đăng ký thống kê đất đai (3TC) |

4. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học





Ghi chú: LLCT KHXH KHTN, KNS- CN-MT KTCS

NN KTBТ KTN KTTTTN/ KLTN

5. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

| STT | Tên HP | Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | | | | | | | | | | | |
|-----|-------------------------------|---------------------------------------|-------|-------|-------|-------|---------|-------|-------|-------|--------|--------|-----------------------------------|
| | | Kiến thức | | | | | Kỹ năng | | | | | | Mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm |
| | | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 | PLO 11 | PLO12 |
| 1 | Triết học Mác Lên nin | ✓ | | | | | | | | | | | |
| 2 | Kinh tế chính trị Mác- Lê nin | ✓ | | | | | | | | | | | |
| 3 | Chủ nghĩa xã hội khoa học | ✓ | | | | | | | | | | | |
| 4 | Lịch sử Đảng Cộng sản VN | ✓ | | | | | | | | | | | |
| 5 | Tư tưởng Hồ Chí Minh | ✓ | | | | | | | | | | | |
| 6 | Pháp luật đại cương | ✓ | | | | | | | | | | | ✓ |
| 7 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 8 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 9 | Tâm lí học đại cương | | ✓ | | | | | | | | | | ✓ |
| 10 | Tiếng Việt thực hành | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 11 | Phương pháp NCKH | | ✓ | | | | | | | | | | ✓ |
| 12 | Môi trường và con người | | ✓ | | ✓ | | | | | | | | |
| 13 | Công nghệ số | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 14a | Toán cao cấp | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 14b | Hóa học đại cương | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 14c | Sinh thái học | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 15 | Tiếng Anh 1 | | | | | | ✓ | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | |
|-----|--|--|---|---|---|--|---|---|--|--|---|--|---|
| 16 | Tiếng Anh 2 | | | | | | ✓ | | | | | | |
| 17 | Tiếng Anh 3 | | | | | | ✓ | | | | | | |
| 18 | Địa chất môi trường | | | ✓ | | | | | | | ✓ | | |
| 19 | Địa lí tự nhiên đại cương | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 20a | Kinh tế và phát triển | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 20b | Khoa học quản lý | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 20c | Địa lí nhân văn | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 21a | Địa lí KT-XH đại cương | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 21b | Địa lí Việt Nam | | ✓ | | | | | | | | | | |
| 22 | Quản lí TN khoáng sản | | | ✓ | | | | ✓ | | | | | ✓ |
| 23 | Quản lí TN nước | | | ✓ | | | | ✓ | | | | | ✓ |
| 24 | Quản lí nhà nước về đất đai | | | ✓ | | | | ✓ | | | | | ✓ |
| 25 | Thực tế môi trường thiên nhiên | | | ✓ | | | | | | | | | ✓ |
| 26 | Quản lí TN rừng và bảo vệ đa dạng sinh học | | | ✓ | | | | ✓ | | | | | ✓ |
| 27 | Quản lí tài nguyên và môi trường biển Việt Nam | | | ✓ | | | | ✓ | | | | | ✓ |
| 28 | Quản lí chất thải rắn và chất thải nguy hại | | | ✓ | | | | ✓ | | | | | ✓ |
| 29 | Quản lí môi trường nông nghiệp, nông thôn, làng nghề | | | | ✓ | | ✓ | | | | | | |
| 30 | Quản lí môi trường đô thị và khu công nghiệp | | | | ✓ | | ✓ | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------|--|--|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 31 | Kinh tế tài nguyên và môi trường | | | | ✓ | | | | ✓ | | | |
| 32 | Thanh tra tài nguyên và môi trường | | | | ✓ | | ✓ | | | | | |
| 33 | Đánh giá tác động MT | | | | ✓ | | | | | | | |
| 34 | Quy hoạch môi trường | | | | | ✓ | | | | ✓ | | |
| 35 | Thực tế công tác quản lý tài nguyên và MT | | | | | | | | | | ✓ | |
| 36a | Quản lý tài nguyên khí hậu và khí tượng | | | ✓ | | ✓ | | ✓ | | ✓ | | ✓ |
| 36b | Ứng phó với biến đổi khí hậu và tai biến môi trường | | | ✓ | | | | | | ✓ | | ✓ |
| 37 | Ô nhiễm môi trường đất, nước và biện pháp xử lý | | | | ✓ | | | | | ✓ | | |
| 38 | Ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn | | | | ✓ | | | | | ✓ | | |
| 39-40a | Bản đồ địa chính | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |
| 39-40b | Trắc địa | | | | | | | ✓ | | | | |
| 39-40c | Ứng dụng phần mềm địa chính trong quản lý và sử dụng đất đai | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |
| 41 | Xây dựng các bản đồ chuyên đề trong quản lý tài nguyên và môi trường | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |
| 42-43a | Hệ thống thông tin địa lí (GIS) | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |
| 42-43b | Công nghệ viễn thám | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |
| 42-43c | Bản đồ học đại cương | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |
| 42-43d | Xây dựng các loại biểu đồ và phân tích | | ✓ | | | | | | ✓ | | | |

| | | | | | | | | | | | | |
|--------|-------------------------------------|--|--|---|---|---|--|---|---|---|--|---|
| | số liệu thống kê địa lí- môi trường | | | | | | | | | | | |
| 44 | Thực tập tốt nghiệp | | | ✓ | ✓ | ✓ | | ✓ | | | | ✓ |
| 45 | Khóa luận tốt nghiệp | | | ✓ | ✓ | ✓ | | ✓ | ✓ | | | ✓ |
| 45-46a | Hạch toán MT | | | | | | | | | ✓ | | |
| 45-46b | Quản lý môi trường địa phương | | | | ✓ | | | | | | | |
| 45-46c | Luật và chính sách môi trường | | | | ✓ | | | | | ✓ | | |
| 45-46d | Đăng ký thống kê đất đai | | | ✓ | | ✓ | | | | | | |

Thanh Hóa, ngày tháng 9 năm 2023

LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT



PGS.TS. Mai Văn Tùng

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đậu Bá Thìn